**Phụ lục**

**Dự thảo**

*(Kèm theo Báo cáo số………/BC-BYT ngày……tháng……năm 2025)*

**1.** **Chủ trương, đường lối của Đảng có liên quan đến chính sách/dự thảo**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **CHỦ TRƯƠNG, ĐƯỜNG LỐI CỦA ĐẢNG** | **CHÍNH SÁCH/QUY ĐỊNH CỦA DỰ THẢO** | **ĐÁNH GIÁ (Đã thể chế đầy đủ hoặc một phần)** | **ĐỀ XUẤT XỬ LÝ** |
| Nghị quyết số 21-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Hội nghị lần thứ sáu Ban Chấp hành Trung ương Đảng khoá XII về công tác dân số trong tình hình mới (sau đây gọi tắt là Nghị quyết số 21-NQ/TW)*.* Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng cũng đề ra định hướng chuyển trọng tâm chính sách dân số từ kế hoạch hoá gia đình sang dân số và phát triển.Nghị quyết số 42-NQ/TW ngày 24/11/2023 của Hội nghị lần thứ tám Ban Chấp hành Trung ương Đảng khoá XIII về tiếp tục đổi mới, nâng cao chất lượng chính sách xã hội, đáp ứng yêu cầu sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc trong giai đoạn mới (sau đây gọi tắt là Nghị quyết số 42-NQ/TW) tiếp tục khẳng định quan điểm, mục tiêu, giải pháp nêu tại Nghị quyết số 21-NQ/TW. | Dự thảo Luật Dân số được xây dựng dựa trên các quan điểm chỉ đạo và mục tiêu của Nghị quyết 21-NQ/TW, nhằm giải quyết toàn diện các vấn đề dân số trong tình hình mới và đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững của đất nước. | Thể chế hóa đầy đủ các nội dung của Nghị quyết 21-NQ/TW, nhưng cần tiếp tục hoàn thiện và có các biện pháp triển khai đồng bộ để đảm bảo thực hiện đầy đủ các mục tiêu và định hướng của Nghị quyết. | Tiếp tục nâng cao nhận thức và trách nhiệm toàn xã hội đối với công tác dân số. |
| Kết luận số 149-KL/TW ngày 10/4/2025 của Bộ Chính trị về đẩy mạnh thực hiện Nghị quyết số 21-NQ/TW của Hội nghị lần thứ sáu Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII về công tác dân số trong tình hình mới: “*Tập trung rà soát, sửa đổi, bổ sung, hoàn thiện cơ chế, chính sách, pháp luật về dân số phù hợp với những thay đổi về quy mô, cơ cấu, chất lượng và phân bố dân cư, đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước trong giai đoạn mới. Trong đó đẩy nhanh tiến độ xây dựng Luật Dân số theo tinh thần Nghị quyết Đại hội XIII của Đảng; khẩn trương rà soát, sửa đổi, bổ sung các quy định pháp luật về số con được sinh phù hợp với quan điểm về dân số và phát triển. Đồng thời, sửa đổi, bổ sung các quy định của Đảng, Nhà nước về xử lý vi phạm chính sách dân số, bảo đảm sự đồng bộ, thống nhất giữa quy định của Đảng và pháp luật của Nhà nước. Nghiên cứu ban hành cơ chế, chính sách khuyến khích các cặp vợ chồng và cá nhân sinh đủ hai con, ưu tiên và chú trọng đối với các địa bàn có mức sinh thấp, dân tộc ít người; các chính sách nhằm duy trì tỉ suất sinh thay thế; thu hẹp khoảng cách mất cân bằng giới tính khi sinh để sớm đưa về mức cân bằng tự nhiên; xây dựng và ban hành các chính sách chăm sóc sức khỏe người cao tuổi để tăng tuổi thọ bình quân, tăng số năm khỏe mạnh, bảo đảm thích ứng với già hóa dân số và nâng cao chất lượng dân số. Nghiên cứu ban hành các chính sách hỗ trợ cho phụ nữ sinh đủ hai con trước 35 tuổi, chính sách việc làm, trợ cấp, hỗ trợ cho người lao động sinh con và nuôi con nhỏ”*. | Dự thảo Luật Dân số đã thể hiện rõ sự phù hợp và đáp ứng các yêu cầu của Kết luận số 149-KL/TW, từ việc rà soát chính sách, khuyến khích sinh đủ hai con, đến việc duy trì tỉ suất sinh thay thế và nâng cao chất lượng dịch vụ y tế cho người cao tuổi. Những nội dung này không chỉ phản ánh đúng tinh thần chiến lược mà còn là cơ sở quan trọng cho việc thực hiện chính sách dân số hiệu quả trong tình hình mới. | Dự thảo Luật Dân số đã thể chế hóa các nội dung của Kết luận số 149-KL/TW, nhưng cần tiếp tục hoàn thiện và có các biện pháp triển khai đồng bộ để đảm bảo thực hiện đầy đủ các mục tiêu và định hướng của Kết luận. | Cần có các văn bản hướng dẫn và triển khai: Để đảm bảo Kết luận 149 được thực hiện đầy đủ và hiệu quả, cần có các văn bản hướng dẫn chi tiết và các chương trình, kế hoạch triển khai cụ thể sau khi Luật Dân số được ban hành. |

**2. Văn bản quy phạm pháp luật có liên quan đến chính sách/dự thảo**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **QUY ĐỊNH CỦA DỰ THẢO VĂN BẢN** | **QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT HIỆN HÀNH CÓ LIÊN QUAN** | **ĐÁNH GIÁ (Tính hợp hiến, tính hợp pháp, tính thống nhất)** | **ĐỀ XUẤT XỬ LÝ** |
| Cho phép cặp vợ chồng, cá nhân quyết định thời gian sinh con, số con và khoảng cách giữa các lần sinh | Hiến pháp Nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam năm 2013, trong đó có nhiều quy định mới về quyền con người, quyền, nghĩa vụ cơ bản của công dân. Hiến pháp quy định “*Quyền con người, quyền công dân chỉ có thể bị hạn chế theo quy định của luật trong trường hợp cần thiết vì lý do quốc phòng, an ninh quốc gia, trật tự, an toàn xã hội, đạo đức xã hội, sức khỏe của cộng đồng*” (khoản 2, Điều 14). Do vấn đề dân số có liên quan mật thiết đến các quyền, nghĩa vụ của công dân, các quyền con người đã được quy định trong Hiến pháp 2013, nên cần phải có khung pháp lý ở cấp độ luật để quy định những vấn đề này là phù hợp Hiến pháp. | Dự thảo phù hợp với quy định Hiến pháp năm 2013, đảm bảo tính hợp hiến và thống nhất trong hệ thống pháp luật. Nội dung có tính pháp lý rõ ràng và không mâu thuẫn với các quy định hiện hành. | Cần tiếp tục hoàn thiện kỹ thuật lập pháp, bảo đảm rõ ràng trong phân công trách nhiệm thực thi. |
| Định kỳ công bố tình trạng mức sinh để chính quyền địa phương xây dựng, thực hiện các chính sách hỗ trợ, khuyến khích phù hợp. |  |  |  |
| Cho phép lao động nữ khi sinh con thứ 02 (hai) được kéo dài thời gian nghỉ thai sản từ 06 tháng lên 07 tháng | Bộ luật Lao động năm 2019, những vấn đề liên quan đến lao động nữ mang thai, chế độ thai sản, bảo đảm việc làm, trợ cấp trong thời gian chăm sóc con ốm đau, thai sản và thực hiện các biện pháp tránh thai đối với lao động nữ được quy định cụ thể nhằm đảm bảo lao động nữ được làm mẹ an toàn, thực hiện các biện pháp tránh thai, chăm sóc sức khỏe sinh sản và quyền sinh sản... (Điều 137 đến Điều 142). | Phù hợp với định hướng chính sách quốc gia và các quy định trong Bộ luật Lao động 2019. Thống nhất với chính sách bảo vệ, chăm sóc sức khỏe người lao động là nữ giới, không mâu thuẫn với các luật hiện hành. | Xây dựng các hướng dẫn chi tiết hoặc chính sách hỗ trợ lao động nữ khi mang thai, sinh con. |
| Cho phép phụ nữ sinh đủ 02 con ở các khu công nghiệp, khu chế xuất và các tỉnh, thành phố có mức sinh thấp được hỗ trợ thuê, mua nhà ở xã hội theo quy định của Chính phủ | Luật Nhà ở số 27/2023/QH15 quy định chính sách phát triển nhà ở; đối tượng được hưởng chính sách hỗ trợ về nhà ở xã hội như sau:  *“Điều 4. Chính sách phát triển và quản lý, sử dụng nhà ở*  *1. Nhà nước có chính sách phát triển nhà ở, tạo điều kiện để mọi người đều có chỗ ở thông qua việc thúc đẩy phát triển đa dạng các loại hình nhà ở, bao gồm nhà ở để bán, cho thuê mua, cho thuê phù hợp với nhu cầu và khả năng tài chính của cá nhân, gia đình, hỗ trợ vốn để cải tạo, xây dựng lại nhà ở; Nhà nước đầu tư xây dựng nhà ở xã hội bằng một phần hoặc toàn bộ vốn đầu tư công (sau đây gọi chung là vốn đầu tư công) để cho thuê, cho thuê mua.*  *2. Nhà nước có trách nhiệm tạo quỹ đất ở thông qua phê duyệt quy hoạch sử dụng đất, kế hoạch sử dụng đất, quy hoạch xây dựng, quy hoạch đô thị, quy hoạch xây dựng khu chức năng.*  *“Điều 76. Đối tượng được hưởng chính sách hỗ trợ về nhà ở xã hội*  *1. Người có công với cách mạng, thân nhân liệt sĩ thuộc trường hợp được hỗ trợ cải thiện nhà ở theo quy định của Pháp lệnh Ưu đãi người có công với cách mạng.*  *2. Hộ gia đình nghèo, cận nghèo tại khu vực nông thôn.*  *3. Hộ gia đình nghèo, cận nghèo tại khu vực nông thôn thuộc vùng thường xuyên bị ảnh hưởng bởi thiên tai, biến đổi khí hậu.*  *4. Hộ gia đình nghèo, cận nghèo tại khu vực đô thị.*  *5. Người thu nhập thấp tại khu vực đô thị.*  *6. Công nhân, người lao động đang làm việc tại doanh nghiệp, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã trong và ngoài khu công nghiệp.*  *7. Sĩ quan, quân nhân chuyên nghiệp, hạ sĩ quan thuộc lực lượng vũ trang nhân dân, công nhân công an, công chức, công nhân và viên chức quốc phòng đang phục vụ tại ngũ; người làm công tác cơ yếu, người làm công tác khác trong tổ chức cơ yếu hưởng lương từ ngân sách nhà nước đang công tác.*  *8. Cán bộ, công chức, viên chức theo quy định của pháp luật về cán bộ, công chức, viên chức.*  *9. Đối tượng đã trả lại nhà ở công vụ theo quy định tại khoản 4 Điều 125 của Luật này, trừ trường hợp bị thu hồi nhà ở công vụ do vi phạm quy định của Luật này.*  *10. Hộ gia đình, cá nhân thuộc trường hợp bị thu hồi đất và phải giải tỏa, phá dỡ nhà ở theo quy định của pháp luật mà chưa được Nhà nước bồi thường bằng nhà ở, đất ở.*  *11. Học sinh, sinh viên đại học, học viện, trường đại học, cao đẳng, dạy nghề, trường chuyên biệt theo quy định của pháp luật; học sinh trường dân tộc nội trú công lập.*  *12. Doanh nghiệp, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã trong khu công nghiệp.”* | Mở rộng đối tượng được hưởng chính sách nhà ở so với quy định hiện hành của Luật Nhà ở 2023. Có tính hợp hiến, hợp pháp, phù hợp. | Đề xuất bổ sung vào Luật Nhà ở |
| Quy định tăng mức xử phạt vi phạm hành chính về dân số | Luật Xử lý vi phạm hành chính quy định về xử phạt vi phạm hành chính và các biện pháp xử lý hành chính. Luật quy định nhiều nội dung liên quan đến mức phạt tiền về lĩnh vực dân số, thẩm quyền xử lý vi phạm hành chính của ngành dân số. | Phù hợp với Luật Xử lý vi phạm hành chính. Tạo cơ sở pháp lý để xây dựng Nghị định xử phạt hành vi vi phạm trong lĩnh vực dân số. Tính hợp pháp và thống nhất cao. | Xây dựng và ban hành Nghị định hướng dẫn chi tiết các hành vi vi phạm và mức xử phạt tương ứng. |
| Mua thẻbảo hiểm y tế cho người cao tuổi chưa có thẻ bảo hiểm y tế được ngân sách nhà nước đóng | Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Bảo hiểm y tế  Điều 12. Đối tượng tham gia bảo hiểm y tế  …..  3. Nhóm do ngân sách nhà nước đóng bao gồm:  ….. | Phù hợp với Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Bảo hiểm y tế 2024. |  |
| Xây dựng và phát triển mạng lưới chăm sóc sức khỏe người cao tuổi tại nhà, tại cộng đồng và cơ sở chăm sóc tập trung | Luật Người cao tuổi số 39/2009/QH12 quy định về quyền và nghĩa vụ của người cao tuổi; trách nhiệm của gia đình, Nhà nước và xã hội trong việc phụng dưỡng, chăm sóc và phát huy vai trò người cao tuổi; Hội người cao tuổi Việt Nam.  Tại *Mục 2. Chăm sóc sức khỏe người cao tuổi* quy định:  *Điều 13. Chăm sóc sức khoẻ ban đầu tại nơi cư trú.*  1. Trạm y tế xã, phường, thị trấn có trách nhiệm sau đây:  a) Triển khai các hình thức tuyên truyền, phổ biến kiến thức phổ thông về chăm sóc sức khỏe; hướng dẫn người cao tuổi kỹ năng phòng bệnh, chữa bệnh và tự chăm sóc sức khoẻ;  b) Lập hồ sơ theo dõi, quản lý sức khoẻ người cao tuổi;  c) Khám bệnh, chữa bệnh phù hợp với chuyên môn cho người cao tuổi;  d) Phối hợp với cơ sở khám bệnh, chữa bệnh tuyến trên tổ chức kiểm tra sức khoẻ định kỳ cho người cao tuổi.  2. Trạm y tế xã, phường, thị trấn cử cán bộ y tế đến khám bệnh, chữa bệnh tại nơi cư trú đối với người cao tuổi cô đơn bị bệnh nặng không thể đến khám bệnh, chữa bệnh tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh. Uỷ ban nhân dân xã, phường, thị trấn có trách nhiệm hỗ trợ việc đưa người bệnh quy định tại khoản này tới cơ sở khám bệnh, chữa bệnh theo đề nghị của trạm y tế xã, phường, thị trấn.  3. Nhà nước khuyến khích tổ chức, cá nhân khám bệnh, chữa bệnh cho người cao tuổi tại nơi cư trú.  4. Kinh phí để thực hiện các quy định tại điểm a, b và d khoản 1 và khoản 2 Điều này do ngân sách nhà nước bảo đảm.  *Mục 4. Bảo trợ xã hội đối với người cao tuổi*  Điều 20. Cơ sở chăm sóc người cao tuổi  1. Cơ sở chăm sóc người cao tuổi là nơi chăm sóc, nuôi dưỡng, tư vấn hoặc hỗ trợ những điều kiện cần thiết khác cho người cao tuổi.  2. Cơ sở chăm sóc người cao tuổi bao gồm:  a) Cơ sở bảo trợ xã hội;  b) Cơ sở tư vấn, dịch vụ chăm sóc người cao tuổi;  c) Cơ sở chăm sóc người cao tuổi khác.  Chính phủ quy định chi tiết việc thành lập và hoạt động của các cơ sở chăm sóc người cao tuổi quy định tại khoản này.  3. Nhà nước khuyến khích tổ chức, cá nhân đầu tư xây dựng cơ sở chăm sóc người cao tuổi; đầu tư cơ sở vật chất và hỗ trợ kinh phí hoạt động cho cơ sở chăm sóc người cao tuổi công lập; hỗ trợ kinh phí cho cơ sở chăm sóc người cao tuổi ngoài công lập nuôi dưỡng người cao tuổi quy định tại khoản 2 Điều 18 của Luật này.  4. Tổ chức, cá nhân đóng góp, đầu tư xây dựng cơ sở chăm sóc người cao tuổi bằng nguồn kinh phí của mình được hưởng các chính sách ưu đãi theo quy định của pháp luật về chính sách khuyến khích xã hội hóa đối với các hoạt động trong lĩnh vực giáo dục, dạy nghề, y tế, văn hóa, thể thao, môi trường. | Chưa quy định cơ sở chăm sóc sức khỏe tập trung cho người cao tuổi tại cộng đồng |  |
| Xây dựng tiêu chí để bố trí quy hoạch, sử dụng đất đai cho việc xây dựng cơ sở chăm sóc sức khỏe người cao tuổi | Nội dung quy định trong Luật Dân số liên quan đến quuy hoạch sử dụng đất không vi phạm các hành vi bị nghiêm cấm Luật Quy hoạch, Luật Xây dựng và trong quá trình thực hiện theo quy định của các Luật trên. | Thống nhất với Luật Quy hoạch, Luật Xây dựng. Không vi phạm các hành vi bị nghiêm cấm. Đảm bảo tính hợp pháp, hợp hiến. | Cần xác định rõ tiêu chí ưu tiên đầu tư tại các vùng đặc thù và ban hành danh mục ưu tiên đầu tư công về dân số. |
| Đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực về chăm sóc người cao tuổi, bao gồm: cấp học bổng, hỗ trợ học phí đối với người học chuyên ngành lão khoa; xây dựng chương trình đào tạo, bồi dưỡng về chăm sóc người cao tuổi; hỗ trợ kinh phí bồi dưỡng, tập huấn cho nhân viên chăm sóc sức khỏe người cao tuổi tại cộng đồng; khuyến khích tổ chức, cá nhân cấp học bổng hoặc trợ cấp cho người học. | Luật Người cao tuổi  Điều 4. Chính sách của Nhà nước đối với người cao tuổi  4. Phát triển ngành lão khoa đáp ứng nhu cầu khám bệnh, chữa bệnh cho người cao tuổi; đào tạo nhân viên chăm sóc người cao tuổi.  Điều 29. Trách nhiệm của bộ, cơ quan ngang bộ  1. Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội có trách nhiệm sau đây:  h) Chủ trì phối hợp với Bộ Y tế quy định tiêu chuẩn nghiệp vụ và bồi dưỡng nhân viên chăm sóc người cao tuổi;  2. Bộ Y tế có trách nhiệm sau đây:  c) Đào tạo, bồi dưỡng thầy thuốc, nhân viên y tế chuyên ngành lão khoa. |  |  |
| Khuyến khích nam, nữ thực hiện tư vấn, khám sức khỏe trước khi kết hôn. | Bộ luật Dân sự năm 2015 quy định quyền nhân thân trong hôn nhân và gia đình tại Điều 39:  *“1. Cá nhân có quyền kết hôn, ly hôn, quyền bình đẳng của vợ chồng, quyền xác định cha, mẹ, con, quyền được nhận làm con nuôi, quyền nuôi con nuôi và các quyền nhân thân khác trong quan hệ hôn nhân, quan hệ cha mẹ và con và quan hệ giữa các thành viên gia đình.*  *Con sinh ra không phụ thuộc vào tình trạng hôn nhân của cha, mẹ đều có quyền và nghĩa vụ như nhau đối với cha, mẹ của mình.*  *2. Cá nhân thực hiện quyền nhân thân trong hôn nhân và gia đình theo quy định của Bộ luật này, Luật hôn nhân và gia đình và luật khác có liên quan*.” | Phù hợp với quy định của Bộ luật Dân sự 2015 và Luật Hôn nhân và gia đình. Đảm bảo tính hợp pháp, hợp hiến, bảo vệ quyền nhân thân và quyền trẻ em. | Cần quy định chi tiết việc tư vấn, bảo mật thông tin sức khỏe cho người chưa thành niên. |
| Đối tượng chính sách, vùng đồng bào dân tộc thiểu số, miền núi, biên giới, hải đảo và đối tượng có hoàn cảnh gia đình khó khăn được Nhà nước hỗ trợ thực hiện tư vấn, khám sức khỏe trước khi kết hôn. |  |  |  |
| Quy định các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh có chuyên khoa sản, nhi phải cung cấp dịch vụ tư vấn, sàng lọc trước sinh và sơ sinh |  |  |  |
| Khuyến khích các bà mẹ mang thai thực hiện tầm soát, chuẩn đoán và điều trị trước sinh và sơ sinh | Luật Trẻ em số 102/2016/QH13quy định về quyền, bổn phận của trẻ em; nguyên tắc, biện pháp bảo đảm thực hiện quyền trẻ em; trách nhiệm của cơ quan, tổ chức, cơ sở giáo dục, gia đình, cá nhân trong việc thực hiện quyền và bổn phận của trẻ em. Trong đó, Luật quy định về chính sách, biện pháp và trách nhiệm thực hiện tư vấn, sàng lọc, chẩn đoán, điều trị trước sinh và sơ sinh, như:  *“4. Nhà nước có chính sách, biện pháp tư vấn, sàng lọc, chẩn đoán, điều trị trước sinh và sơ sinh; giảm tỷ lệ tử vong trẻ em, đặc biệt là tử vong trẻ sơ sinh; xóa bỏ phong tục, tập quán có hại, ảnh hưởng đến sức khỏe trẻ em.” (*Khoản 4 Điều 43)  *“2. Hướng dẫn việc lập hồ sơ theo dõi sức khỏe, khám sức khỏe định kỳ theo độ tuổi; chăm sóc và tư vấn sức khỏe, tư vấn dinh dưỡng cho phụ nữ mang thai và trẻ em; tư vấn, sàng lọc, chẩn đoán, điều trị trước sinh và sơ sinh; tư vấn, hỗ trợ trẻ em chăm sóc sức khỏe sinh sản phù hợp với độ tuổi.” (*Khoản 2 Điều 84)  *“4. Phụ nữ mang thai có trách nhiệm tiếp cận dịch vụ y tế để được tư vấn sàng lọc, phòng ngừa các bệnh tật bẩm sinh cho trẻ em.” (*Khoản 4 Điều 98)*.* | Phù hợp với Luật Trẻ em, góp phần nâng cao chất lượng dân số. Có tính thống nhất với chính sách bảo vệ sức khỏe sinh sản. | Cần phối hợp chặt chẽ với ngành y tế và giáo dục để triển khai các hoạt động tư vấn, sàng lọc hiệu quả. |
| Đối tượng chính sách, người dân sống tại vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, biên giới, hải đảo và đối tượng có hoàn cảnh gia đình khó khăn được Nhà nước hỗ trợ thực hiện tầm soát, chuẩn đoán và điều trị trước sinh và sơ sinh. |  |  |  |
| Luật Dân số quy định về tdự phòng vô sinh, hỗ trợ sinh sản cho cặp vợ chồng, cá nhân trong độ tuổi sinh đẻ; quyền lựa chọn, sử dụng biện pháp tránh thai phù hợp của cặp vợ chồng, cá nhân trong độ tuổi sinh đẻ,cung cấp dịch vụ thân thiện về kế hoạch hóa gia đình, sức khỏe sinh sản cho người chưa thành niênmà trong Luật Thanh niên chưa quy định và không trùng lắp với Luật này. | Luật Thanh niênquy định về quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của thanh niên; chính sách của Nhà nước đối với thanh niên; trách nhiệm của cơ quan, tổ chức thanh niên, tổ chức khác, cơ sở giáo dục, gia đình và cá nhân đối với thanh niên; quản lý nhà nước về thanh niên. Trong Luật này có những quy định liên quan đến các nội dung DS-KHHGĐ: phòng, chống HIV/AIDS; thực hiện pháp luật về DS-KHHGĐ; giáo dục SKSS, thực hiện các biện pháp để nâng cao thể chất, trí tuệ và tinh thần (biện pháp góp phần nâng cao chất lượng dân số);…  Nội dung có liên quan đến công tác DS-KHHGĐ được quy định trong Luật Thanh niên  *Điều 15. Trách nhiệm đối với bản thân*  *4. Rèn luyện, bảo vệ, chăm sóc, nâng cao sức khỏe, phát triển thể chất và tinh thần; trang bị kiến thức, kỹ năng sống, kỹ năng chăm sóc sức khỏe sinh sản, sức khỏe tình dục, phòng, chống bệnh tật; không lạm dụng rượu, bia; hạn chế sử dụng thuốc lá; không sử dụng ma túy, chất gây nghiện và chất kích thích khác mà pháp luật cấm; phòng, chống tác hại từ không gian mạng.*  *Điều 19. Chính sách về bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe*  *1. Tư vấn, hỗ trợ nâng cao sức khỏe cho thanh niên; phòng, chống bạo lực gia đình, bạo lực học đường, xâm hại tình dục; phòng, chống ma túy, HIV/AIDS; phòng ngừa bệnh lây truyền qua đường tình dục, bệnh xã hội khác và các nguy cơ ảnh hưởng đến sức khỏe thể chất, tinh thần của thanh niên.*  *2. Bảo đảm cho thanh niên được cung cấp thông tin, tiếp cận dịch vụ thân thiện về bảo vệ, chăm sóc sức khỏe sinh sản, sức khỏe tình dục; được tư vấn, khám sức khỏe trước khi kết hôn.*  *3. Khuyến khích tổ chức, cá nhân đầu tư, cung cấp dịch vụ y tế, chăm sóc sức khỏe cho thanh niên.*  *Điều 33. Trách nhiệm của tổ chức kinh tế*  *1. Bảo đảm môi trường, điều kiện làm việc an toàn; cung cấp đầy đủ kiến thức, thông tin về an toàn, vệ sinh lao động cho người lao động là thanh niên.*  *2. Quan tâm chăm lo đời sống của người lao động là thanh niên; hỗ trợ để người lao động là thanh niên được học tập, tham gia hoạt động văn hóa, thể dục, thể thao; chăm sóc và bảo vệ sức khỏe.*  *Điều 34. Trách nhiệm của cơ sở giáo dục*  *… 2. Xây dựng môi trường giáo dục an toàn, thân thiện, lành mạnh; thực hiện các biện pháp phòng, chống bạo lực học đường và xâm hại tình dục cho thanh niên.*  *… 4. Tư vấn tâm lý về các vấn đề xã hội, tâm lý học đường; giáo dục kỹ năng sống, kiến thức chăm sóc, bảo vệ sức khỏe, sức khỏe sinh sản, sức khỏe tình dục, giới tính, kỹ năng phòng, chống các bệnh học đường và tệ nạn xã hội cho thanh niên.* | Phù hợp với Luật Thanh niên 2020. Bổ sung tốt cho nhóm chưa được Luật Thanh niên đề cập (dịch vụ thân thiện DS-KHHGĐ). Không trùng lặp. | Nghiên cứu bổ sung cơ chế liên ngành với tổ chức Đoàn, ngành Giáo dục để triển khai hiệu quả. |
| Luật Dân số quy định những nội dung liên quan đến phân bố dân số trên cơ sở tôn trọng và thực hiện quyền tự do cư trú của công dân theo Hiến pháp 2013 và Luật Cư trú, đồng thời được tiếp cận các dịch vụ xã hội cơ bản theo quy định của pháp luật. | Luật Cư trú quy định về việc thực hiện quyền tự do cư trú của công dân Việt Nam trên lãnh thổ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam; việc đăng ký, quản lý cư trú; quyền, nghĩa vụ, trách nhiệm của công dân, cơ quan, tổ chức về đăng ký, quản lý cư trú.  Luật Cư trú quy định “Công dân thực hiện quyền tự do cư trú theo quy định của Luật này và quy định khác của pháp luật có liên quan” (khoản 1 Điều 4). “Lựa chọn, quyết định nơi cư trú của mình, đăng ký cư trú phù hợp với quy định của Luật này và quy định khác của pháp luật có liên quan.” (khoản 1, Điều 8). Việc thực hiện quyền tự do cư trú của công dân chỉ bị hạn chế trong các trường hợp (khoản 2 Điều 4). Các quyền và nghĩa vụ của công dân được quy định tại Chương II… | Thống nhất với Luật Cư trú 2020. Không xâm phạm quyền cư trú tự do, bảo đảm tính hợp hiến. | Bổ sung quy định điều tiết phân bố dân cư thông qua ưu đãi giáo dục, y tế tại vùng có mức sinh thấp. |
| Theo quy định của Luật Xây dựng; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng 62/2020/QH14, chỉ tiêu về dân số, quy mô dân số được đưa vào cho từng nội dung trong thực hiện quy hoạch về xây dựng trong Luật Xây dựng, từ khi xây dựng đồ án quy hoạch đến đồ án quy hoạch vùng; đồ án quy hoạch phân khu xây dựng khu chức năng đặc thù, nhiệm vụ quy hoạch chung xây dựng xã, nhiệm vụ quy hoạch chi tiết xây dựng điểm dân cư nông thôn.  Căn cứ phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng của Luật Xây dựng; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng 62/2020/QH14, do luật chuyên ngành đã quy định rất cụ thể nên Luật Dân số không quy định lại các nội dung này, đồng thời không quy định mới nội dung liên quan đến phạm vi điều chỉnh của Luật Xây dựng. | Luật Xây dựng quy định về quyền, nghĩa vụ, trách nhiệm của cơ quan, tổ chức, cá nhân và quản lý nhà nước trong hoạt động đầu tư xây dựng:  “8. Chỉ tiêu kinh tế - kỹ thuật của đồ án quy hoạch xây dựng là chỉ tiêu được dự báo, xác định, lựa chọn làm cơ sở đề xuất các phương án, giải pháp quy hoạch xây dựng bao gồm quy mô dân số, đất đai, chỉ tiêu về hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội và môi trường.” (Khoản 8 Điều 3)  “ 4. Xây dựng công trình không đúng quy hoạch xây dựng, trừ trường hợp có giấy phép xây dựng có thời hạn; vi phạm chỉ giới xây dựng, cốt xây dựng; xây dựng công trình không đúng với giấy phép xây dựng được cấp.” (Khoản 4 Điều 12. Các hành vi bị nghiêm cấm)  “- Điều 13. Quy hoạch xây dựng và căn cứ lập quy hoạch xây dựng  1. Quy hoạch xây dựng gồm các loại sau:  a) Quy hoạch vùng;  b) Quy hoạch đô thị;  c) Quy hoạch khu chức năng đặc thù;  d) Quy hoạch nông thôn.”  “Điều 14. Yêu cầu và nguyên tắc tuân thủ đối với quy hoạch xây dựng  1. Yêu cầu đối với quy hoạch xây dựng gồm:  a) Phù hợp với mục tiêu của chiến lược, quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội; bảo đảm quốc phòng, an ninh, tạo động lực phát triển kinh tế - xã hội bền vững; thống nhất với quy hoạch phát triển ngành; công khai, minh bạch, kết hợp hài hòa giữa lợi ích quốc gia, cộng đồng và cá nhân;  b) Tổ chức, sắp xếp không gian lãnh thổ trên cơ sở khai thác và sử dụng hợp lý tài nguyên thiên nhiên, đất đai, di tích lịch sử, di sản văn hóa và nguồn lực phù hợp với điều kiện tự nhiên, kinh tế - xã hội, đặc điểm lịch sử, văn hóa, trình độ khoa học và công nghệ theo từng giai đoạn phát triển;  c) Đáp ứng nhu cầu sử dụng hệ thống công trình hạ tầng kỹ thuật; bảo đảm sự kết nối, thống nhất công trình hạ tầng kỹ thuật khu vực, vùng, quốc gia và quốc tế;  d) Bảo vệ môi trường, phòng, chống thiên tai và ứng phó với biến đổi khí hậu, giảm thiểu tác động bất lợi đến cộng đồng, bảo tồn, tôn tạo và phát huy giá trị các di tích lịch sử, di sản văn hóa, tín ngưỡng, tôn giáo; bảo đảm đồng bộ về không gian kiến trúc, hệ thống công trình hạ tầng xã hội, hạ tầng kỹ thuật;  đ) Xác lập cơ sở cho công tác kế hoạch, quản lý đầu tư và thu hút đầu tư xây dựng, quản lý, khai thác và sử dụng các công trình xây dựng trong vùng, khu chức năng đặc thù, khu vực nông thôn.  2. Nguyên tắc tuân thủ đối với quy hoạch xây dựng gồm:  a) Việc thực hiện chương trình, hoạt động đầu tư xây dựng, quản lý không gian, kiến trúc, cảnh quan phải tuân thủ quy hoạch xây dựng đã được phê duyệt và phù hợp với nguồn lực huy động;  b) Cấp độ quy hoạch xây dựng phải bảo đảm thống nhất và phù hợp với quy hoạch có cấp độ cao hơn.”  c) Dự báo quy mô dân số vùng, nhu cầu về hạ tầng kỹ thuật và hạ tầng xã hội cho từng giai đoạn phát triển;” (Điểm c Khoản 1 Điều 23, Nhiệm vụ và nội dung đồ án quy hoạch xây dựng vùng)  “b) Xác định tính chất, dự báo quy mô dân số của khu chức năng đặc thù, yêu cầu về định hướng phát triển không gian, các công trình hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội cho từng giai đoạn quy hoạch; (Điểm c Khoản 1 Điều 26, quy hoạch chung xây dựng khu chức năng đặc thù).  “a) Nội dung đồ án quy hoạch phân khu xây dựng khu chức năng đặc thù bao gồm việc xác định chức năng sử dụng cho từng khu đất; nguyên tắc tổ chức không gian, kiến trúc cảnh quan cho toàn khu vực lập quy hoạch; chỉ tiêu về dân số, sử dụng đất, hệ thống công trình hạ tầng kỹ thuật đối với từng lô đất; bố trí hệ thống công trình hạ tầng xã hội phù hợp với nhu cầu sử dụng; bố trí mạng lưới công trình hạ tầng kỹ thuật đến các trục đường phố phù hợp với các giai đoạn phát triển của toàn khu chức năng đặc thù; đánh giá môi trường chiến lược;” (Điểm a Khoản 2 Điều 27)  “a) Nội dung đồ án quy hoạch chi tiết xây dựng gồm việc xác định chỉ tiêu về dân số, sử dụng đất, hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội và yêu cầu tổ chức không gian, kiến trúc cho toàn khu vực quy hoạch; bố trí công trình hạ tầng xã hội phù hợp với nhu cầu sử dụng; yêu cầu về kiến trúc công trình đối với từng lô đất, thiết kế đô thị; bố trí hệ thống công trình hạ tầng kỹ thuật đến ranh giới lô đất; đánh giá môi trường chiến lược;” (Điểm a Khoản 2 Điều 28).  “1. Nhiệm vụ quy hoạch chung xây dựng xã gồm mục tiêu, phạm vi ranh giới xã; tính chất, chức năng của xã; xác định yếu tố tác động đến phát triển kinh tế - xã hội của xã; dự báo quy mô dân số, lao động; quy mô đất đai, chỉ tiêu kinh tế - kỹ thuật chủ yếu; yêu cầu về nguyên tắc tổ chức phân bố khu chức năng sản xuất nông nghiệp, công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, làng nghề, nhà ở, dịch vụ và hệ thống công trình hạ tầng kỹ thuật. (Khoản 1 Điều 30, quy hoạch chung xây dựng xã)  “1. Nhiệm vụ quy hoạch chi tiết xây dựng điểm dân cư nông thôn gồm dự báo quy mô dân số, lao động; quy mô đất đai; yêu cầu sử dụng đất bố trí các công trình xây dựng, bảo tồn, chỉnh trang; công trình hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội trong điểm dân cư nông thôn.” (Khoản 1 Điều 31, quy hoạch chi tiết xây dựng điểm dân cư nông thôn)  “b) Có thay đổi về điều kiện địa lý tự nhiên, địa giới hành chính, biến động lớn về dân số và kinh tế - xã hội.” (Điểm b Khoản 1 Điều 35, điều kiện điều chỉnh quy hoạch xây dựng). | Phù hợp với Luật Xây dựng 2014 và Luật sửa đổi 2020. Dự thảo Luật Dân số không chồng chéo, không trùng lặp. | Dẫn chiếu tới Luật Xây dựng, không quy định lại. |
| Luật Dân số quy định một số nội dung liên quan đến quy định về đầu tư, đầu tư công của nhà nước cho hoạt động của công tác dân số như: chính sách đầu tư, khuyến khích thực hiện các chương trình, dự án phát triển kinh tế - xã hội tại vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi; đầu tư và phát triển mạng lưới y tế cơ sở cung cấp dịch vụ chăm sóc sức khoẻ, dịch vụ dân số; | Luật Đầu tư quy định về hoạt động đầu tư kinh doanh tại Việt Nam và hoạt động đầu tư kinh doanh từ Việt Nam ra nước ngoài. Luật Đầu tư công quy định việc quản lý nhà nước về đầu tư công; quản lý và sử dụng vốn đầu tư công; quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân liên quan đến hoạt động đầu tư công. Việc rà soát giúp các quy định trong Luật Dân số liên quan đến đầu tư và đầu tư công không vi phạm các hành vi bị nghiêm cấm trong đầu tư công; các ngành, nghề nghiêm cấm đầu tư, kinh doanh trong Luật Đầu tư và trong quá trình thực hiện theo quy định của các Luật trên. | Nội dung phù hợp với định hướng, đảm bảo thống nhất pháp luật. | Chính phủ hướng dẫn chi tiết. |
| Luật Dân số quy định nội dung xây dựng, phát triển đội ngũ làm công tác dân số; Nâng cao năng lực hệ thống làm công tác dân số để đáp ứng nguồn nhân lực làm công tác dân số trong tình hình mới. | Luật Cán bộ, công chức số 22/2008/QH12 và Luật Viên chức số 58/2010/QH12; Luật số 52/2019/QH14 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Cán bộ, công chức và Luật Viên chức | Nội dung phù hợp với định hướng, đảm bảo thống nhất pháp luật.  Các nội dung về dân số và phát triển thuộc chức năng quản lý nhà nước của nhiều cơ quan nhưng chưa có cơ chế phối hợp chặt chẽ. Đội ngũ cán bộ, cộng tác viên dân số chủ yếu mới được đào tạo tập huấn về DS-KHHGĐ, chưa được đào tạo, cập nhật kiến thức, chia sẻ kinh nghiệm về các nội dung dân số và phát triển. Chế độ đãi ngộ đối với cán bộ chuyên trách ở cấp cơ sở và cộng tác viên dân số còn thấp. |  |
| Luật Giáo dục đại học số 08/2012/QH13 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều của theo Luật số 32/2013/QH13, Luật số 74/2014/QH13, Luật số 97/2015/QH13 và Luật số 34/2018/QH14. Căn cứ phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng và mục tiêu của giáo dục đại học, những nội dung này liên quan trực tiếp đến mục tiêu nâng cao chất lượng dân số (về trí tuệ). Do luật chuyên ngành đã quy định rất cụ thể nên Luật Dân số không quy định lại các nội dung này, đồng thời không quy định mới nội dung liên quan đến phạm vi điều chỉnh của Luật Giáo dục đại học. | Luật Giáo dục đại học quy định về tổ chức, nhiệm vụ, quyền hạn của cơ sở giáo dục đại học, hoạt động đào tạo, hoạt động khoa học và công nghệ, hoạt động hợp tác quốc tế, bảo đảm chất lượng và kiểm định chất lượng giáo dục đại học, giảng viên, người học, tài chính, tài sản của cơ sở giáo dục đại học và quản lý nhà nước về giáo dục đại học.  Mục tiêu chung của giáo dục đại học là đào tạo nhân lực, nâng cao dân trí, bồi dưỡng nhân tài; nghiên cứu khoa học, công nghệ tạo ra tri thức, sản phẩm mới, phục vụ yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh và hội nhập quốc tế; đào tạo người học có phẩm chất chính trị, đạo đức; có kiến thức, kỹ năng thực hành nghề nghiệp, năng lực nghiên cứu và phát triển ứng dụng khoa học và công nghệ tương xứng với trình độ đào tạo; có sức khỏe; có khả năng sáng tạo và trách nhiệm nghề nghiệp, thích nghi với môi trường làm việc; có ý thức phục vụ nhân dân. | Nội dung phù hợp với định hướng, đảm bảo thống nhất pháp luật. |  |
| Luật Dân số quy định nội dung lồng ghép các yếu tố dân số trong xây dựng, thực hiện các chiến lược, kế hoạch, chương trình, dự án phát triển kinh tế - xã hội. | Luật Quy hoạch quy định bổ sung quy hoạch mạng lưới cơ sở, thẩm quyền tổ chức lập quy hoạch; trách nhiệm đánh giá thực hiện quy hoạch, gồm:  *“Điều 14. Thẩm quyền tổ chức lập quy hoạch*  *1. Chính phủ tổ chức lập quy hoạch tổng thể quốc gia, quy hoạch không gian biển quốc gia, quy hoạch sử dụng đất quốc gia.*  *2. Thủ tướng Chính phủ tổ chức lập quy hoạch vùng.*  *3. Bộ, cơ quan ngang Bộ tổ chức lập quy hoạch ngành quốc gia.*  *4. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh tổ chức lập quy hoạch tỉnh.*  *Điều 49. Trách nhiệm đánh giá thực hiện quy hoạch*  *1. Đánh giá thực hiện quy hoạch được thực hiện định kỳ hoặc đột xuất theo tiêu chí đánh giá do Chính phủ quy định.*  *2. Trách nhiệm đánh giá thực hiện quy hoạch được quy định như sau:*  *a) Bộ Kế hoạch và Đầu tư đánh giá thực hiện quy hoạch tổng thể quốc gia và quy hoạch vùng;*  *b) Bộ Tài nguyên và Môi trường đánh giá thực hiện quy hoạch không gian biển quốc gia và quy hoạch sử dụng đất quốc gia;*  *c) Bộ, cơ quan ngang Bộ đánh giá thực hiện quy hoạch ngành quốc gia theo thẩm quyền;*  *d) Ủy ban nhân dân cấp tỉnh đánh giá thực hiện quy hoạch tỉnh.*  *3. Cơ quan đánh giá thực hiện quy hoạch tổng thể quốc gia, quy hoạch không gian biển quốc gia và quy hoạch sử dụng đất quốc gia gửi báo cáo đánh giá đến Chính phủ. Trường hợp cần thiết, Chính phủ báo cáo Quốc hội.*  *Cơ quan đánh giá thực hiện quy hoạch ngành quốc gia, quy hoạch vùng, quy hoạch tỉnh gửi báo cáo đến Thủ tướng Chính phủ.*  *Điều 57. Sửa đổi, bổ sung một số điều của các luật có liên quan đến hoạt động quy hoạch*  *6. Bổ sung khoản 5 vào* *Điều 82 của Luật Khám bệnh, chữa bệnh số 40/2009/QH12 như sau:*  *“5. Quy hoạch hệ thống cơ sở khám bệnh, chữa bệnh trên toàn quốc và cơ sở khám bệnh, chữa bệnh chuyên ngành được tích hợp vào quy hoạch mạng lưới cơ sở y tế quốc gia; quy hoạch hệ thống cơ sở khám bệnh, chữa bệnh của địa phương được tích hợp vào quy hoạch tỉnh theo quy định của pháp luật về quy hoạch.”.* | Phù hợp với Luật Quy hoạch. Góp phần tăng hiệu quả chính sách phát triển kinh tế - xã hội thông qua lồng ghép yếu tố dân số. | Cần quy định rõ cơ chế phối hợp liên ngành khi xây dựng các chiến lược, chương trình quốc gia. |
| Căn cứ phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng và các quy định cụ thể của Luật Du lịch, những nội dung này liên quan đến chất lượng dân số (về tinh thần). Do luật chuyên ngành đã quy định rất cụ thể nên Luật Dân số không quy định lại các nội dung này, đồng thời không quy định mới nội dung liên quan đến phạm vi điều chỉnh của Luật Du lịch. | Luật Du lịch số 09/2017/QH14  Du lịch là các hoạt động có liên quan đến chuyến đi của con người ngoài nơi cư trú thường xuyên trong thời gian không quá 01 năm liên tục nhằm đáp ứng nhu cầu tham quan, nghỉ dưỡng, giải trí, tìm hiểu, khám phá tài nguyên du lịch hoặc kết hợp với mục đích hợp pháp khác. Luật Du lịch  quy định về tài nguyên du lịch, phát triển sản phẩm du lịch và hoạt động du lịch; quyền, nghĩa vụ của khách du lịch, tổ chức, cá nhân kinh doanh du lịch, cơ quan, tổ chức, cá nhân khác, cộng đồng dân cư có hoạt động liên quan đến du lịch; quản lý nhà nước về du lịch. | Nội dung phù hợp với định hướng, đảm bảo thống nhất pháp luật. |  |
| Để thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp của công tác dân số trong tình hình mới đòi hỏi nguồn lực bảo đảm để thực hiện, bao gồm cả nguồn kinh phí xã hội hoá. Trong bối cảnh nguồn lực Nhà nước còn hạn chế, xuất phát từ yêu cầu thực hiện toàn diện các chính sách, mục tiêu dân số, Luật Dân số quy định về xã hội hóa hoạt động công tác dân số để huy động nguồn lực cho công tác dân số. Nhằm tạo ra cơ chế để huy động nguồn xã hội hoá, Nhà nước khuyến khích, tạo điều kiện cho tổ chức, doanh nghiệp, cá nhân đầu tư, đóng góp công sức, tài sản cho công tác dân số, đồng thời ưu đãi về thuế theo quy định của luật thuế cho việc nhập khẩu, sản xuất một số thiết bị, phương tiện, hàng hóa trong nước chưa sản xuất được hoặc để đáp ứng nhu cầu dịch vụ dân số trong nước. | Luật Thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu số 107/2016/QH13; Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp số 32/2013/QH13.  Luật Thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu quy định miễn thuế tại Điều 16. Theo đó, nguyên liệu, vật tư, linh kiện nhập khẩu trong nước chưa sản xuất được của dự án đầu tư để sản xuất, lắp ráp trang thiết bị y tế được ưu tiên nghiên cứu, chế tạo được miễn thuế nhập khẩu trong thời hạn 05 năm, kể từ khi bắt đầu sản xuất (khoản 14, Điều 16).  Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp quy định về ưu đãi về thuế xuất như sau:  *“Điều 13. Ưu đãi về thuế suất*  *2. Áp dụng thuế suất 10% đối với:*  *a) Thu nhập của doanh nghiệp từ thực hiện hoạt động xã hội hóa trong lĩnh vực giáo dục - đào tạo, dạy nghề, y tế, văn hóa, thể thao và môi trường;”* | Phù hợp với Luật Thuế TNDN, Luật Thuế XNK . Bảo đảm tính hợp pháp, đồng bộ trong việc huy động nguồn lực ngoài ngân sách. | Hướng dẫn chi tiết danh mục ưu đãi thuế cho hoạt động dân số. |
| Căn cứ quy định của Luật Thống kê, Luật Dân số quy định về thông tin số liệu dân số phục vụ lồng ghép các yếu tố dân số, đáp ứng yêu cầu khai thác, sử dụng thông tin thống kê nói chung và yêu cầu về thông tin số liệu dân số phục vụ lồng ghép nói riêng. | Luật Thống kê số 89/2015/QH13 quy định về hoạt động thống kê, sử dụng thông tin thống kê nhà nước; quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của cơ quan, tổ chức, cá nhân trong hoạt động thống kê, sử dụng thông tin thống kê nhà nước; tổ chức thống kê nhà nước và hoạt động thống kê, sử dụng thông tin thống kê ngoài thống kê nhà nước; quy định cơ sở dữ liệu thống kê về dân số là cơ sở dữ liệu thống kê do cơ quan thống kê trung ương quản lý được quy định tại điểm a khoản 2 Điều 53. | Thống nhất với Luật Thống kê. Cơ sở dữ liệu dân số là công cụ quan trọng để hoạch định chính sách dân số hiệu quả. | Quy định rõ trách nhiệm chia sẻ dữ liệu giữa các bộ, ngành. |
| Căn cứ phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng, nguyên tắc quản lý ngân sách nhà nước, nguyên tắc phân cấp quản lý nguồn thu, nhiệm vụ chi và quan hệ giữa các cấp ngân sách, nhiệm vụ, quyền hạn của các cơ quan nhà nước và trách nhiệm, nghĩa vụ của tổ chức, cá nhân về ngân sách nhà nước và các quy định của Luật Ngân sách nhà nước, Luật Dân số quy định những nội dung có liên quan đến nguồn tài chính đầu tư cho công tác dân số, bảo đảm các quy định này phù hợp với quy định của Luật Ngân sách nhà nước. | Luật Ngân sách nhà nước số 83/2015/QH13 quy định về lập, chấp hành, kiểm toán, quyết toán, giám sát ngân sách nhà nước; nhiệm vụ, quyền hạn của các cơ quan, tổ chức, đơn vị, cá nhân có liên quan trong lĩnh vực ngân sách nhà nước.  Đối tượng áp dụng của Luật bao gồm:  “*1. Các cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị và các tổ chức chính trị - xã hội.*  *2. Các tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp được ngân sách nhà nước hỗ trợ theo nhiệm vụ Nhà nước giao.*  *3. Các đơn vị sự nghiệp công lập.*  *4. Các tổ chức, cá nhân khác có liên quan đến ngân sách nhà nước.”* | Phù hợp với Luật Ngân sách nhà nước. Không gây xung đột pháp lý, đảm bảo tính hợp pháp, hợp hiến. | Cần cụ thể hóa cơ chế phân bổ ngân sách cho địa phương triển khai các chương trình dân số. |
| Căn cứ quy định của Luật về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương; phân quyền, phân cấp cho chính quyền địa phương, dự kiến Luật Dân số quy định cơ chế và biện pháp phối hợp giữa các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, chính quyền địa phương và cơ quan, tổ chức có liên quan trong việc xây dựng, thực hiện chính sách, pháp luật về dân số; đồng thời quy định trách nhiệm của Hội đồng nhân dân, Uỷ ban nhân dân các cấp về công tác dân số. | Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 77/2015/QH13; Luật Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của [Luật Tổ chức Chính phủ](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/Bo-may-hanh-chinh/Luat-to-chuc-Chinh-phu-2015-282379.aspx" \t "_blank) và Luật Tổ chức chính quyền địa phương số47/2019/QH14 quy định về đơn vị hành chính và tổ chức, hoạt động của chính quyền địa phương ở các đơn vị hành chính. | Phù hợp với Luật Tổ chức quyền địa phương. Tính thống nhất cao. | Cần có quy định rõ trách nhiệm của chính quyền địa phương các cấp trong tổ chức thực hiện Luật Dân số. |
| Luật Dân số quy định những vấn đề về: Nội dung quản lý nhà nước về công tác dân số; trách nhiệm quản lý nhà nước về công tác dân số của Chính phủ; trách nhiệm quản lý nhà nước về công tác dân số của Bộ Y tế; trách nhiệm quản lý nhà nước về công tác dân số của Bộ, cơ quan ngang Bộ. Đồng thời có căn cứ để quy định nhiệm vụ, quyền hạn, trách nhiệm, thẩm quyền trong việc quản lý nhà nước, ban hành văn bản của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ về công tác dân số. | Luật Tổ chức Chính phủ số 76/2015/QH13; Luật Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của [Luật Tổ chức Chính phủ](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/Bo-may-hanh-chinh/Luat-to-chuc-Chinh-phu-2015-282379.aspx) và Luật Tổ chức chính quyền địa phương số47/2019/QH14 quy định nhiệm vụ và quyền hạn của Chính phủ trong quản lý y tế, chăm sóc sức khỏe của Nhân dân và dân số như sau:  “*1. Thống nhất quản lý nhà nước về y tế, chăm sóc sức khỏe của Nhân dân và dân số.*  *2. Đầu tư, phát triển nhân lực y tế có chất lượng ngày càng cao; phát triển nền y tế Việt Nam theo hướng kết hợp y tế dự phòng và khám bệnh, chữa bệnh, kết hợp y học hiện đại và y học cổ truyền; phát triển công nghiệp dược theo hướng hiện đại, cung ứng đủ thuốc và trang thiết bị y tế đáp ứng nhu cầu chăm sóc sức khỏe ngày càng cao của Nhân dân.*  *3. Tạo nguồn tài chính y tế bền vững để bảo vệ, chăm sóc sức khỏe của Nhân dân dựa trên thực hiện bảo hiểm y tế toàn dân.*  *4. Xây dựng chính sách chăm sóc sức khỏe của Nhân dân trình Quốc hội quyết định hoặc quyết định theo thẩm quyền để thực hiện các chính sách ưu tiên chăm sóc sức khỏe cho đồng bào dân tộc thiểu số, đồng bào ở miền núi, hải đảo và vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn.*  *5. Thống nhất quản lý và thực hiện chính sách dân số, kế hoạch hóa gia đình. Duy trì quy mô và cơ cấu dân số hợp lý, nâng cao chất lượng dân số và phân bố dân cư phù hợp với nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội, phát triển đô thị của cả nước.”*  Chương III Luật quy định nhiệm vụ và quyền hạn của Thủ tướng Chính phủ. Chương IV Luật quy định nhiệm vụ và quyền hạn của Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ… | Phù hợp với Luật Tổ chức Chính phủ. Tính thống nhất cao. | Cần có quy định rõ trách nhiệm của chính quyền địa phương các cấp trong tổ chức thực hiện Luật Dân số. |
| Luật Dân số quy định nội dung về trách nhiệm của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các tổ chức thành viên của Mặt trận về công tác dân số. | Luật Mặt trận Tổ quốc Việt Nam số 75/2015/QH13  Những nội dung này phù hợp với quyền và trách nhiệm của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam trong việc:  “*1. Tập hợp, xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân tộc, thực hiện dân chủ, tăng cường đồng thuận xã hội.*  *2. Tuyên truyền, vận động Nhân dân thực hiện quyền làm chủ, thực hiện đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước.*  *3. Đại diện, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp, chính đáng của Nhân dân.*  *4. Tham gia xây dựng Đảng, Nhà nước.*  *5. Thực hiện giám sát và phản biện xã hội.*  *6. Tập hợp, tổng hợp ý kiến, kiến nghị của cử tri và Nhân dân để phản ánh, kiến nghị với Đảng, Nhà nước.*  *7. Thực hiện hoạt động đối ngoại nhân dân.”* | Phù hợp với Luật Mặt trận Tổ quốc Việt Nam. Đảm bảo vai trò giám sát và phản biện xã hội. | Cần thiết lập cơ chế phối hợp thực chất giữa cơ quan dân số và Mặt trận trong tuyên truyền vận động. |
| Luật Dân số quy định hoặc giao Chính phủ quy định thông tin số liệu dân số phục vụ lồng ghép đượckhai thác từ Kho dữ liệu chuyên ngành dân số và Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, Cơ sở dữ liệu hộ tịch, Cơ sở dữ liệu thống kê và cơ sở dữ liệu chuyên ngành liên quan qua việc xử lý chuẩn hóa dữ liệu sẵn có về các yếu tố dân số. Các cơ quan quản lý Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, Cơ sở dữ liệu hộ tịch, Cơ sở dữ liệu thống kê và cơ sở dữ liệu chuyên ngành liên quan có trách nhiệm chia sẻ, kết nối với Kho dữ liệu chuyên ngành dân số. | Luật Hộ tịch số 60/2014/QH13quy định về hộ tịch; quyền, nghĩa vụ, nguyên tắc, thẩm quyền, thủ tục đăng ký hộ tịch; Cơ sở dữ liệu hộ tịch và quản lý nhà nước về hộ tịch. | Phù hợp với Luật Hộ tịch, tạo cơ sở cho việc khai thác, sử dụng thông tin dữ liệu dân số một cách hiệu quả. | Cần đồng bộ giữa Cơ sở dữ liệu chuyên ngành dân số với các CSDL quốc gia khác. |
| Luật Dân số quy định hoặc giao Chính phủ quy định thông tin số liệu dân số phục vụ lồng ghép đượckhai thác từ Kho dữ liệu chuyên ngành dân số và Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, Cơ sở dữ liệu hộ tịch, Cơ sở dữ liệu thống kê và cơ sở dữ liệu chuyên ngành liên quan qua việc xử lý chuẩn hóa dữ liệu sẵn có về các yếu tố dân số. Các cơ quan quản lý Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, Cơ sở dữ liệu hộ tịch, Cơ sở dữ liệu thống kê và cơ sở dữ liệu chuyên ngành liên quan có trách nhiệm chia sẻ, kết nối với Kho dữ liệu chuyên ngành dân số. | Luật Căn cước số 26/2023/QH15 quy định về Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, Cơ sở dữ liệu căn cước; thẻ căn cước, căn cước điện tử; giấy chứng nhận căn cước; quyền, nghĩa vụ, trách nhiệm của cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan. | Phù hợp với Luật Căn cước, tạo cơ sở cho việc khai thác, sử dụng thông tin dữ liệu dân số một cách hiệu quả. | Cần đồng bộ giữa Cơ sở dữ liệu chuyên ngành dân số với các CSDL quốc gia khác. |
| Luật Dân số quy định nội dung xây dựng gia đình no ấm, tiến bộ, hạnh phúc, văn minh với các nội hàm ngăn chặn phân biệt đối xử giữa con trai và con gái, bảo đảm phụ nữ và nam giới có quyền và nghĩa vụ như nhau trong việc xây dựng gia đình no ấm, tiến bộ, hạnh phúc, văn minh; Cơ quan, tổ chức, cá nhân và cộng đồng dân cư có trách nhiệm tuyên truyền, tư vấn, hỗ trợ gia đình xây dựng cuộc sống no ấm, tiến bộ, hạnh phúc, văn minh. Các thành viên trong gia đình có trách nhiệm hỗ trợ nhau trong việc thực hiện các biện pháp chăm sóc sức khoẻ, nâng cao chất lượng dân số; nâng cao đời sống vật chất và tinh thần cho từng thành viên.  Nhằm nâng cao chất lượng dân số, chất lượng cuộc sống, bảo đảm hạnh phúc hôn nhân, cụ thể là: bảo đảm cuộc hôn nhân bền vững; sinh ra những đứa trẻ khỏe mạnh; phòng, tránh các bệnh lây truyền qua đường tình dục. Đến năm 2030, tỉ lệ nam nữ thanh niên được tư vấn, khám sức khỏe trước khi kết hôn đạt 90%, nâng dần tỉ lệ thực hiện của các đối tượng sau năm 2030, Luật Dân số quy định nam, nữ được cung cấp thông tin, tư vấn, khám sức khỏe trước khi kết hôn bao gồm những nội dung liên quan đến bệnh di truyền, bệnh lây truyền qua đường tình dục, bệnh liên quan đến thụ thai, mang thai, bệnh gây nguy hiểm cho sự phát triển bình thường của thai nhi, trẻ sơ sinh. Các đối tượng nam, nữ trước khi kết hôn được xem xét hỗ trợ chi phí tư vấn, khám sức khỏe theo quy định của Chính phủ. | Luật Hôn nhân và gia đình số 52/2014/QH13 quy định:  - “*Điều 2. Những nguyên tắc cơ bản của chế độ hôn nhân và gia đình*  *1. Hôn nhân tự nguyện, tiến bộ, một vợ một chồng, vợ chồng bình đẳng.*  *2. Hôn nhân giữa công dân Việt Nam thuộc các dân tộc, tôn giáo, giữa người theo tôn giáo với người không theo tôn giáo, giữa người có tín ngưỡng với người không có tín ngưỡng, giữa công dân Việt Nam với người nước ngoài được tôn trọng và được pháp luật bảo vệ.*  *3. Xây dựng gia đình ấm no, tiến bộ, hạnh phúc; các thành viên gia đình có nghĩa vụ tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; không phân biệt đối xử giữa các con.*  *4. Nhà nước, xã hội và gia đình có trách nhiệm bảo vệ, hỗ trợ trẻ em, người cao tuổi, người khuyết tật thực hiện các quyền về hôn nhân và gia đình; giúp đỡ các bà mẹ thực hiện tốt chức năng cao quý của người mẹ; thực hiện kế hoạch hóa gia đình.*  *5. Kế thừa, phát huy truyền thống văn hóa, đạo đức tốt đẹp của dân tộc Việt Nam về hôn nhân và gia đình”* (Điều 2)  - “*Điều 8. Điều kiện kết hôn*  *1. Nam, nữ kết hôn với nhau phải tuân theo các điều kiện sau đây:*  *a) Nam từ đủ 20 tuổi trở lên, nữ từ đủ 18 tuổi trở lên;*  *b) Việc kết hôn do nam và nữ tự nguyện quyết định;*  *c) Không bị mất năng lực hành vi dân sự;*  *d) Việc kết hôn không thuộc một trong các trường hợp cấm kết hôn theo quy định tại các điểm a, b, c và d khoản 2 Điều 5 của Luật này.*  *2. Nhà nước không thừa nhận hôn nhân giữa những người cùng giới tính.”* (Điều 8). | Nội dung phù hợp với định hướng, đảm bảo thống nhất pháp luật. | Tiếp tục hoàn thiện hoặc giao Chính phủ hướng dẫn chi tiết. |
| Luật Dân số quy định: “Luật này áp dụng đối với cơ quan nhà nước, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp, tổ chức kinh tế, lực lượng vũ trang nhân dân, gia đình và công dân Việt Nam (sau đây gọi chung là cơ quan, tổ chức, gia đình, cá nhân); tổ chức nước ngoài hoạt động trên lãnh thổ Việt Nam, người nước ngoài cư trú trên lãnh thổ Việt Nam, trừ trường hợp điều ước quốc tế mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên có quy định khác.” (Khoản 2 Điều 1)  Trong Luật nhập cảnh, xuất cảnh, quá cảnh, cư trú của người nước ngoài tại Việt Nam chưa quy định trách nhiệm của người nước ngoài có trách nhiệm thực hiện công tác dân số tại Việt Nam, do vậy Luật Dân số quy định phạm vi áp dụng đối với cá nhân người nước ngoài hoạt động liên quan đến công tác dân số là phù hợp. | Luật Nhập cảnh, xuất cảnh, quá cảnh, cư trú của người nước ngoài tại Việt Nam số 47/2014/QH13 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xuất cảnh, nhập cảnh của công dân Việt Nam và Luật Nhập cảnh, xuất cảnh, quá cảnh, cư trú của người nước ngoài tại Việt Nam số 23/2023/QH15 quy định:  - Quyền và nghĩa vụ của người nước ngoài nhập cảnh, xuất cảnh, quá cảnh, cư trú tại Việt Nam  *“1. Người nước ngoài nhập cảnh, xuất cảnh, cư trú tại Việt Nam có các quyền sau đây:*  *a) Được bảo hộ tính mạng, tài sản và các quyền, lợi ích chính đáng theo pháp luật Việt Nam trong thời gian cư trú trên lãnh thổ nước CHXHCN Việt Nam;*  *... 2. Người nước ngoài nhập cảnh, xuất cảnh, cư trú tại Việt Nam có các nghĩa vụ sau đây:*  *a) Tuân thủ pháp luật Việt Nam; tôn trọng truyền thống văn hóa, phong tục, tập quán của các dân tộc Việt Nam...”*  *“Điều 56. Trách nhiệm của Bộ Y tế*  *1. Trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn, thực hiện kiểm tra, xử lý vi phạm các quy định trong lĩnh vực y tế đối với cơ sở khám, chữa bệnh có người nước ngoài làm việc.”* | Nội dung phù hợp với định hướng, đảm bảo thống nhất pháp luật. | Tiếp tục hoàn thiện hoặc giao Chính phủ hướng dẫn chi tiết. |
| Do công tác dân số có tính chất đặc thù, luôn cần động viên, khuyến khích, khen thưởng kịp thời những tập thể, cá nhân thực hiện tốt chính sách, pháp luật về dân số, vì vậy Luật Dân số quy định nội dung về khen thưởng chocơ quan, tổ chức, cá nhân có thành tích trong công tác dân số nhằm khuyến khích tập thể, cá nhân, gia đình thực hiện tốt công tác dân số. Trong trường hợp không có nội dung mới để cụ thể hóa nội dung, hình thức khen thưởng thì sẽ không quy định trong Luật Dân số, áp dụng thực hiện quy định của Luật Thi đua, Khen thưởng. | Luật Thi đua, khen thưởng số 06/2022/QH15 quy định về đối tượng, phạm vi, nguyên tắc, hình thức, tiêu chuẩn, thẩm quyền và trình tự, thủ tục thi đua, khen thưởng. Luật xác định mục tiêu của thi đua nhằm tạo động lực động viên, lôi cuốn, khuyến khích mọi cá nhân, tập thể phát huy truyền thống yêu nước, năng động, sáng tạo vươn lên hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao vì mục tiêu dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh. | Nội dung phù hợp với định hướng, đảm bảo thống nhất pháp luật. | Chính phủ hướng dẫn chi tiết. |
| Luật Dân số quy định một số nội dung về việc làm, tuy nhiên các quy định này làm rõ thêm cho việc tận dụng hiệu quả cơ cấu dân số vàng và nội dung tạo việc làm cho người cao tuổi. | Luật Việc làm số 38/2013/QH13quy định chính sách hỗ trợ tạo việc làm; thông tin thị trường lao động; đánh giá, cấp chứng chỉ kỹ năng nghề quốc gia; tổ chức, hoạt động dịch vụ việc làm; bảo hiểm thất nghiệp và quản lý nhà nước về việc làm.” (Điều 1). Luật Việc làm quy định một số nội dung về:  - Chính sách của Nhà nước về việc làm  “*1. Có chính sách phát triển kinh tế - xã hội nhằm tạo việc làm cho người lao động, xác định mục tiêu giải quyết việc làm trong chiến lược, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội; bố trí nguồn lực để thực hiện chính sách về việc làm.*  *2. Khuyến khích tổ chức, cá nhân tham gia tạo việc làm và tự tạo việc làm có thu nhập từ mức lương tối thiểu trở lên nhằm góp phần phát triển kinh tế - xã hội, phát triển thị trường lao động.*  *3. Có chính sách hỗ trợ tạo việc làm, phát triển thị trường lao động và bảo hiểm thất nghiệp.*  *4. Có chính sách đánh giá, cấp chứng chỉ kỹ năng nghề quốc gia gắn với việc nâng cao trình độ kỹ năng nghề.*  *5. Có chính sách ưu đãi đối với ngành, nghề sử dụng lao động có trình độ chuyên môn kỹ thuật cao hoặc sử dụng nhiều lao động phù hợp với điều kiện phát triển kinh tế - xã hội.*  *6. Hỗ trợ người sử dụng lao động sử dụng nhiều lao động là người khuyết tật, lao động nữ, lao động là người dân tộc thiểu số”* (Điều 5).  - Trách nhiệm của cơ quan, tổ chức và cá nhân về việc làm  *“.... 2. Cơ quan, tổ chức trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình có trách nhiệm tuyên truyền, phổ biến chính sách, pháp luật về việc làm; tạo việc làm; bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người lao động, người sử dụng lao động theo quy định của pháp luật.*  *3. Cá nhân có trách nhiệm chủ động tìm kiếm việc làm và tham gia tạo việc làm*” (Điều 8).  - Hỗ trợ chuyển đổi nghề nghiệp, việc làm cho người lao động ở khu vực nông thôn  “*1. Căn cứ chiến lược, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, Nhà nước hỗ trợ chuyển đổi nghề nghiệp, việc làm cho người lao động ở khu vực nông thôn.*  *2. Người lao động ở khu vực nông thôn tham gia chuyển đổi nghề nghiệp, việc làm được hưởng các chế độ sau đây:*  *a) Hỗ trợ học nghề;*  *b) Tư vấn miễn phí về chính sách, pháp luật về lao động, việc làm, học nghề;*  *c) Giới thiệu việc làm miễn phí;*  *Vay vốn từ Quỹ quốc gia về việc làm theo quy định tại các điều 11, 12 và 13 của Luật này.”* (Điều 15).  - Hỗ trợ học nghề cho người lao động ở khu vực nông thôn  “*Người lao động ở khu vực nông thôn học nghề dưới 03 tháng hoặc học nghề trình độ sơ cấp ở cơ sở đào tạo nghề được hỗ trợ chi phí học nghề theo quy định của Thủ tướng Chính phủ*”. (Điều 16)  - Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa, hợp tác xã, tổ hợp tác, hộ kinh doanh tạo việc làm cho người lao động ở khu vực nông thôn  *“Doanh nghiệp nhỏ và vừa, hợp tác xã, tổ hợp tác, hộ kinh doanh được Nhà nước hỗ trợ để phát triển sản xuất, kinh doanh, mở rộng việc làm tại chỗ cho người lao động ở khu vực nông thôn thông qua các hoạt động sau đây:*  *1. Vay vốn từ Quỹ quốc gia về việc làm theo quy định tại các điều 11, 12 và 13 của Luật này;*  *2. Hỗ trợ cung cấp thông tin về thị trường tiêu thụ sản phẩm;*  *3. Miễn, giảm thuế theo quy định của pháp luật về thuế*” (Điều 17).  - Hỗ trợ tạo việc làm cho thanh niên  “*1. Nhà nước khuyến khích tổ chức, cá nhân giải quyết việc làm cho thanh niên; tạo điều kiện cho thanh niên phát huy tính chủ động, sáng tạo trong tạo việc làm.*  *2. Nhà nước hỗ trợ tạo việc làm cho thanh niên thông qua các hoạt động sau đây:*  *a) Tư vấn, định hướng nghề nghiệp và giới thiệu việc làm miễn phí cho thanh niên;*  *b) Đào tạo nghề gắn với tạo việc làm cho thanh niên hoàn thành nghĩa vụ quân sự, nghĩa vụ công an, thanh niên tình nguyện hoàn thành nhiệm vụ thực hiện chương trình, dự án phát triển kinh tế - xã hội;*  *c) Hỗ trợ thanh niên lập nghiệp, khởi sự doanh nghiệp*” (Điều 21). | Nội dung phù hợp với định hướng, đảm bảo thống nhất pháp luật. | Chính phủ hướng dẫn chi tiết. |
| Luật Dân số quy định Nhà nước có chính sách, tạo điều kiện cho cơ quan, tổ chức, cá nhân nghiên cứu khoa học về dân số và phát triển; thực hiện nghiên cứu toàn diện, đồng bộ các vấn đề dân số và phát triển, mối quan hệ, tác động giữa dân số với phát triển kinh tế - xã hội; phát triển, ứng dụng công nghệ y - sinh học trong nâng cao chất lượng dân số… | Luật Khoa học và công nghệ số 29/2013/QH13 quy định tại Điều 6 chính sách của Nhà nước về phát triển khoa học và công nghệ như sau:  “*Nhà nước thực hiện các chính sách sau đây nhằm bảo đảm phát triển khoa học và công nghệ là quốc sách hàng đầu:*  *1. Ưu tiên và tập trung mọi nguồn lực quốc gia cho phát triển khoa học và công nghệ; áp dụng đồng bộ cơ chế, biện pháp khuyến khích, ưu đãi nhằm phát huy vai trò then chốt và động lực của khoa học và công nghệ trong phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh, bảo vệ môi trường và nâng cao chất lượng cuộc sống của nhân dân;*  *2. Phát triển đồng bộ các lĩnh vực khoa học xã hội và nhân văn, khoa học tự nhiên, khoa học kỹ thuật và công nghệ; gắn nhiệm vụ phát triển khoa học và công nghệ với nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh; tạo tiền đề hình thành và phát triển kinh tế tri thức;*  *3. Đẩy mạnh việc nghiên cứu ứng dụng thành tựu khoa học và công nghệ tiên tiến và hiện đại, nghiên cứu làm chủ và tạo ra công nghệ mới nhằm đổi mới, nâng cao trình độ công nghệ và năng lực cạnh tranh của sản phẩm;*  *4. Tập trung đầu tư xây dựng cơ sở vật chất - kỹ thuật, chú trọng lĩnh vực khoa học và công nghệ ưu tiên, trọng điểm quốc gia; áp dụng cơ chế, chính sách ưu đãi đặc biệt để phát triển, đào tạo, thu hút, sử dụng có hiệu quả nhân lực khoa học và công nghệ;*  *5. Tạo điều kiện phát triển thị trường khoa học và công nghệ;*  *6. Khuyến khích, tạo điều kiện thuận lợi để doanh nghiệp đầu tư cho hoạt động khoa học và công nghệ, đổi mới, nâng cao trình độ công nghệ;*  *7. Khuyến khích, tạo điều kiện để hội khoa học và kỹ thuật, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội – nghề nghiệp tham gia tư vấn, phản biện, giám định xã hội và hoạt động khoa học và công nghệ;*  *8. Chủ động, tích cực hội nhập quốc tế về khoa học và công nghệ; nâng cao vị thế quốc gia về khoa học và công nghệ trong khu vực và thế giới”*. | Nội dung phù hợp với định hướng, đảm bảo thống nhất pháp luật. | Chính phủ hướng dẫn chi tiết. |
| Luật Dân số quy định biện pháp phân bố dân số đô thị để giảm thiểu ảnh hưởng của các cơ sở sản xuất công nghiệp, cơ sở y tế, cơ sở giáo dục đại học, cơ sở giáo dục nghề nghiệp quy mô lớn làm tăng cao mật độ dân số; đồng thời thực hiện các biện pháp di dời một số cơ sở sản xuất công nghiệp, bệnh viện, cơ sở giáo dục đại học, cơ sở giáo dục nghề nghiệp. | Luật Thủ đô số 39/2024/QH15 dành riêng một điều về quản lý dân cư, trong đó đề cập đến vấn đề quản lý quy mô, cơ cấu và mật độ dân số, kiểm soát di cư tự phát vào nội thành và việc đăng ký thường trú ở ngoại thành và nội thành; quy định Biện pháp bảo đảm thực hiện quy hoạch như sau:  *“1. Trong khu vực nội đô lịch sử, không mở rộng diện tích đất của các bệnh viện hiện có; không mở rộng, xây dựng mới khu công nghiệp, cụm công nghiệp, cơ sở sản xuất công nghiệp, cơ sở giáo dục đại học, cơ sở giáo dục nghề nghiệp.*  *Cơ sở giáo dục đại học, cơ sở giáo dục nghề nghiệp không có trụ sở chính hoặc địa điểm đào tạo trong khu vực nội đô lịch sử trước thời điểm Luật này có hiệu lực thi hành thì không được đặt địa điểm đào tạo trong khu vực nội đô lịch sử.*  *2. Cơ sở sản xuất công nghiệp, cơ sở y tế, cơ sở giáo dục đại học, cơ sở giáo dục nghề nghiệp và trụ sở các cơ quan, đơn vị trong đô thị trung tâm không phù hợp với Quy hoạch chung Thủ đô phải thực hiện việc di dời.*  *3. Thẩm quyền quyết định việc di dời các cơ sở, trụ sở quy định tại khoản 2 Điều này được quy định như sau:*  *a) Thủ tướng Chính phủ quyết định danh mục, biện pháp và lộ trình di dời các cơ sở sản xuất công nghiệp, cơ sở y tế, cơ sở giáo dục đại học, cơ sở giáo dục nghề nghiệp và trụ sở các cơ quan, đơn vị thuộc thẩm quyền quản lý của cơ quan, tổ chức trung ương;”. (Điều 18)***.** | Nội dung phù hợp với định hướng, đảm bảo thống nhất pháp luật. | Chính phủ hướng dẫn chi tiết. |
| Luật Dân số quy định về:  - Nội dung quản lý nhà nước về công tác dân số (bao gồm tổ chức, quản lý và thực hiện tuyên truyền vận động, truyền thông, phổ biến, giáo dục chính sách, pháp luật về dân số).  - Trách nhiệm quản lý nhà nước về công tác dân số của Bộ Y tế (bao gồm chủ trì, phối hợp với các Bộ, cơ quan ngang Bộ và Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xây dựng, hướng dẫn và tổ chức thực hiện chính sách, pháp luật về dân số. Tổ chức, quản lý và thực hiện tuyên truyền vận động, truyền thông, phổ biến, giáo dục chính sách, pháp luật về dân số).  - Trách nhiệm quản lý nhà nước về công tác dân số của Bộ, cơ quan ngang Bộ (bao gồm tuyên truyền vận động, truyền thông, giáo dục về dân số cho đối tượng thuộc quyền quản lý).  - Trách nhiệm của cơ quan, tổ chức về công tác dân số (bao gồm tuyên truyền, vận động thực hiện chính sách dân số; phổ biến, giáo dục pháp luật về dân số cho các thành viên thuộc quyền quản lý).  - Trách nhiệm của Hội đồng nhân dân, Uỷ ban nhân dân các cấp về công tác dân số (bao gồm chỉ đạo, hướng dẫn, kiểm tra, tổ chức thực hiện chính sách, pháp luật; chiến lược, quy hoạch, kế hoạch, chương trình, dự án về dân số và các biện pháp thực hiện công tác dân số trên địa bàn theo phân công, phân cấp; chịu trách nhiệm trước cơ quan quản lý nhà nước cấp trên trong việc thực hiện các mục tiêu về dân số). | Luật Phổ biến giáo dục pháp luật số 14/2012/QH13 quy định nguyên tắc phổ biến, giáo dục pháp luật và nội dung quản lý nhà nước về phổ biến, giáo dục pháp luật như sau:  - “*Điều 5. Các nguyên tắc phổ biến, giáo dục pháp luật*  *1. Chính xác, đầy đủ, rõ ràng, dễ hiểu, thiết thực.*  *2. Kịp thời, thường xuyên, có trọng tâm, trọng điểm.*  *3. Đa dạng các hình thức phổ biến, giáo dục pháp luật, phù hợp với nhu cầu, lứa tuổi, trình độ của đối tượng được phổ biến, giáo dục pháp luật và truyền thống, phong tục, tập quán tốt đẹp của dân tộc.*  *4. Gắn với việc thi hành pháp luật, thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh của đất nước, của địa phương và đời sống hằng ngày của người dân.*  *5. Phối hợp chặt chẽ giữa cơ quan, tổ chức, gia đình và xã hội.”*  - “*Điều 6. Quản lý nhà nước về phổ biến, giáo dục pháp luật*  *1. Nội dung quản lý nhà nước về phổ biến, giáo dục pháp luật bao gồm:*  *a) Xây dựng, ban hành văn bản quy phạm pháp luật, chương trình, kế hoạch về phổ biến, giáo dục pháp luật;*  *b) Chỉ đạo, hướng dẫn và tổ chức thực hiện công tác phổ biến, giáo dục pháp luật;*  *c) Bồi dưỡng kiến thức pháp luật, nghiệp vụ phổ biến, giáo dục pháp luật;*  *d) Xây dựng và quản lý cơ sở dữ liệu quốc gia về pháp luật;*  *đ) Thống kê, tổng kết về phổ biến, giáo dục pháp luật;*  *e) Thanh tra, kiểm tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo và xử lý vi phạm trong phổ biến, giáo dục pháp luật;*  *g) Hợp tác quốc tế về phổ biến, giáo dục pháp luật.*  *2. Cơ quan quản lý nhà nước về phổ biến, giáo dục pháp luật bao gồm:*  *a) Chính phủ thống nhất quản lý nhà nước về phổ biến, giáo dục pháp luật;*  *b) Bộ Tư pháp chịu trách nhiệm trước Chính phủ thực hiện quản lý nhà nước về phổ biến, giáo dục pháp luật; chủ trì xây dựng, trình Thủ tướng Chính phủ ban hành chương trình, kế hoạch dài hạn, trung hạn về phổ biến, giáo dục pháp luật; chủ trì xây dựng cơ sở dữ liệu quốc gia về pháp luật;*  *c) Bộ, cơ quan ngang bộ trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình có trách nhiệm phối hợp với Bộ Tư pháp thực hiện quản lý nhà nước về phổ biến, giáo dục pháp luật;*  *d) Uỷ ban nhân dân các cấp có trách nhiệm thực hiện quản lý nhà nước về phổ biến, giáo dục pháp luật tại địa phương.”* | Nội dung phù hợp với định hướng, đảm bảo thống nhất pháp luật. | Chính phủ hướng dẫn chi tiết. |
| Căn cứ quy định của Luật Giá để xây dựng các quy định hỗ trợ trong Luật Dân số nhằm thực hiện chính sách dân số, bao gồm các quy định thực hiện biện pháp điều chỉnh mức sinh; cung cấp dịch vụ tư vấn, khám sức khỏe trước khi kết hôn; cung cấp dịch vụ tư vấn, tầm soát, chẩn đoán, điều trị sớm bệnh tật trước sinh và sơ sinh (Giá dịch vụ cơ bản x đối tượng). | Luật Giá số 16/2023/QH15 quy định về quyền và nghĩa vụ của tổ chức, cá nhân trong lĩnh vực giá; hoạt động quản lý, điều tiết giá của Nhà nước. Luật áp dụng đối với tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh; người tiêu dùng; cơ quan nhà nước; tổ chức, cá nhân khác liên quan đến hoạt động trong lĩnh vực giá trên lãnh thổ Việt Nam. | Nội dung phù hợp với định hướng, đảm bảo thống nhất pháp luật. | Chính phủ hướng dẫn chi tiết. |
| Luật Dân số quy định dẫn thực hiện Luật Phòng, chống tác hại của thuốc lá thông qua việc giảm thiểu tác động gây hại đến sức khỏe của người dân, góp phần thực hiện mục tiêu nâng cao chất lượng dân số. | Luật Phòng, chống tác hại của thuốc lá số 09/2012/QH13 quy định về các biện pháp giảm nhu cầu sử dụng thuốc lá, biện pháp kiểm soát nguồn cung cấp thuốc lá và điều kiện bảo đảm để phòng, chống tác hại của thuốc lá.  Thuốc lá là nguy cơ lớn nhất đối với sức khoẻ con người và là nguyên nhân hàng đầu dẫn đến tử vong sớm trên toàn thế giới. Các nghiên cứu cho thấy hơn 90% các ca ung thư phổi, 75% các ca bệnh phổi tắc nghẽn mạn tính và 25% trường hợp bệnh tim thiếu máu cục bộ do sử dụng thuốc lá gây ra.[[1]](#footnote-1) Luật phòng, chống tác hại thuốc lá số 09/2012/QH13 ngày 18/6/2012 *“quy định về các biện pháp giảm nhu cầu sử dụng thuốc lá, biện pháp kiểm soát nguồn cung cấp thuốc lá và điều kiện bảo đảm để phòng, chống tác hại của thuốc lá”* (Điều 1). Luật cũng quy định nội dung truyền thông, giáo dục về *“Tác hại của thuốc lá đối với sức khoẻ của người sử dụng, trẻ em, phụ nữ mang thai, người khác chịu ảnh hưởng của khói thuốc lá, môi trường sống và kinh tế - xã hội*” (Điểm b, Khoản 2). Và để bảo vệ các cá nhân khỏi tác động của thuốc lá, Luật đã quy định những địa điểm cấm hút thuốc lá hoàn toàn (Điều 11)  Ngoài ra, để giảm tác hại của thuốc lá đối với nhóm dân số đặc thù như: trẻ em, phụ nữ mang thai, người bệnh, người cao tuổi, Luật cũng quy định nghĩa vụ của người hút thuốc lá *“Không hút thuốc lá trong nhà khi có trẻ em, phụ nữ mang thai, người bệnh, người cao tuổi”* (Khoản 2, Điều 13). | Nội dung phù hợp với định hướng, đảm bảo thống nhất pháp luật. | Chính phủ hướng dẫn chi tiết. |
| Đối tượng áp dụng của Luật Dân số liên quan mật thiết đến công dân là chủ thể của Luật Khiếu nại, Luật Tố cáo, đồng thời quy định phục vụ công tác tuyên truyền vận động, truyền thông, giáo dục về dân số nên dự kiến Luật Dân số quy định việc khiếu nại và giải quyết khiếu nại đối với quyết định hành chính, hành vi hành chính về dân số; việc tố cáo và giải quyết tố cáo vi phạm pháp luật về dân số được thực hiện theo quy định của pháp luật về khiếu nại, pháp luật về tố cáo. Trường hợp không có nội dung mới và chồng chéo với luật hiện hành, nội dung khiếu nại, tố cáo sẽ không quy định trong Luật Dân số mà áp dụng thực hiện pháp luật về khiếu nại, tố cáo. | Luật Tố cáo số 03/2011/QH13 / 45. Luật Khiếu nại số 02/2011/QH13 quy định về tố cáo và giải quyết tố cáo đối với hành vi vi phạm pháp luật trong việc thực hiện nhiệm vụ, công vụ và hành vi vi phạm pháp luật khác về quản lý nhà nước trong các lĩnh vực; bảo vệ người tố cáo; trách nhiệm của cơ quan, tổ chức trong việc quản lý công tác giải quyết tố cáo.  Luật Khiếu nại quy định về khiếu nại và giải quyết khiếu nại đối với quyết định hành chính, hành vi hành chính của cơ quan hành chính nhà nước, của người có thẩm quyền trong cơ quan hành chính nhà nước; khiếu nại và giải quyết khiếu nại quyết định kỷ luật cán bộ, công chức; tiếp công dân; quản lý và giám sát công tác giải quyết khiếu nại. | Nội dung phù hợp với định hướng, đảm bảo thống nhất pháp luật. | Chính phủ hướng dẫn chi tiết. |
| Căn cứ quy định của Luật Thanh tra, Luật Dân số quy định nội dung quản lý nhà nước về công tác dân số là “Thanh tra, kiểm tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo và xử lý vi phạm pháp luật về dân số”. Ngoài ra, quy định trách nhiệm của Bộ Y tế, cơ quan tổ chức có liên quan trong thanh tra, kiểm tra, xử lý vi phạm về công tác dân số. | Luật Thanh tra số 11/2022/QH15 quy định về tổ chức, hoạt động thanh tra nhà nước và thanh tra nhân dân. Mục đích hoạt động thanh tra nhằm phát hiện sơ hở trong cơ chế quản lý, chính sách, pháp luật để kiến nghị với cơ quan nhà nước có thẩm quyền biện pháp khắc phục; phòng ngừa, phát hiện và xử lý hành vi vi phạm pháp luật; giúp cơ quan, tổ chức, cá nhân thực hiện đúng quy định của pháp luật; phát huy nhân tố tích cực; góp phần nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động quản lý nhà nước; bảo vệ lợi ích của Nhà nước, quyền và lợi ích hợp pháp của cơ quan, tổ chức, cá nhân. | Nội dung phù hợp với định hướng, đảm bảo thống nhất pháp luật. | Chính phủ hướng dẫn chi tiết. |
| Do lĩnh vực dân số có nhiều dịch vụ liên quan đến y tế, đến công tác khám bệnh, chữa bệnh, Luật Dân số quy định người cung cấp dịch vụ, cơ sở, điểm cung cấp dịch vụ có trách nhiệm thực hiện theo quy định của pháp luật khám bệnh, chữa bệnh, hướng dẫn chuyên môn của Bộ Y tế và các quy định khác có liên quan. | Luật Khám bệnh, chữa bệnh số 15/2023/QH15 quy định về quyền, nghĩa vụ của người bệnh; người hành nghề khám bệnh, chữa bệnh; cơ sở khám bệnh, chữa bệnh; chuyên môn kỹ thuật trong khám bệnh, chữa bệnh; khám bệnh, chữa bệnh bằng y học cổ truyền và kết hợp y học cổ truyền với y học hiện đại; khám bệnh, chữa bệnh nhân đạo, không vì mục đích lợi nhuận; chuyển giao kỹ thuật chuyên môn về khám bệnh, chữa bệnh; áp dụng kỹ thuật mới, phương pháp mới và thử nghiệm lâm sàng; sai sót chuyên môn kỹ thuật; điều kiện bảo đảm hoạt động khám bệnh, chữa bệnh; huy động, điều động nguồn lực phục vụ công tác khám bệnh, chữa bệnh trong trường hợp xảy ra thiên tai, thảm họa, dịch bệnh truyền nhiễm thuộc nhóm A hoặc tình trạng khẩn cấp. Luật quy định sáu nguyên tắc trong hành nghề khám, chữa bệnh (Điều 3):  *“1. Tôn trọng, bảo vệ, đối xử bình đẳng và không kỳ thị, phân biệt đối xử đối với người bệnh.*  *2. Ưu tiên khám bệnh, chữa bệnh đối với trường hợp người bệnh trong tình trạng cấp cứu, trẻ em dưới 06 tuổi, phụ nữ có thai, người khuyết tật đặc biệt nặng, người khuyết tật nặng, người từ đủ 75 tuổi trở lên, người có công với cách mạng phù hợp với đặc thù của cơ sở khám bệnh, chữa bệnh.*  *3. Tôn trọng, hợp tác, bảo vệ người hành nghề, người khác đang thực hiện nhiệm vụ tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh.*  *4. Thực hiện kịp thời và tuân thủ quy định về chuyên môn kỹ thuật.*  *5. Tuân thủ quy tắc đạo đức nghề nghiệp trong hành nghề khám bệnh, chữa bệnh do Bộ trưởng Bộ Y tế ban hành.*  *6. Bình đẳng, công bằng giữa các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh.*” | Nội dung phù hợp với định hướng, đảm bảo thống nhất pháp luật. | Chính phủ hướng dẫn chi tiết. |
| Luật Dân số quy định về phân bố dân số. Nội dung quy định về yêu cầu phân bố dân số hợp lý, biện pháp điều chỉnh phân bố dân số hợp lý trên góc độ tổng thể của vùng, khu vực, địa phương, bảo đảm cho việc xem xét, phân tích, điều chỉnh vấn đề dân số theo nhiều khía cạnh khác nhau, tôn trọng sự phát triển của các ngành, lĩnh vực kinh tế - xã hội, vừa bảo đảm được sự phân bố dân số phù hợp với kinh tế - xã hội và quan trọng hơn là sự phát triển bền vững.  Các quy định bảo đảm cho một vùng, khu vực, địa phương kiểm soát được sự phân bố dân số hợp lý và đưa ra các biện pháp để giải quyết các vấn đề, bảo đảm cho dân số phù hợp với kinh tế - xã hội; bảo đảm cho việc kiểm soát việc vận động dân di chuyển nơi cư trú, ngăn chăn tình trạng dụ dỗ, lôi kéo di dân trái pháp luật. | Luật Quy hoạch đô thị số 30/2009/QH12 điều chỉnh*“về hoạt động quy hoạch đô thị gồm lập, thẩm định, phê duyệt và điều chỉnh quy hoạch đô thị; tổ chức thực hiện quy hoạch đô thị và quản lý phát triển đô thị theo quy hoạch đô thị đã được phê duyệt”* (Điều 1).  Trong Luật này, trong số 5 tiêu chí để phân loại đô thị thì có tới hai tiêu chí liên quan đến dân số, bao gồm: quy mô dân số và mật độ dân số (Khoản 1, Điều 4). Cũng trong Luật Quy hoạch đô thị 2009, quy mô dân số được đưa vào là một chỉ tiêu trong xây dựng Đồ án quy hoạch chung ở các cấp: thành phố trực thuộc trung ương (Điều 25); thành phố thuộc tỉnh, thị xã (Điều 26); thị trấn (Điều 27); Đồ án quy hoạch phân khu (Điều 29). Chỉ tiêu dân số cũng được đưa vào nội dung Đồ án quy hoạch chi tiết (Điều 30). | Phù hợp với Luật Quy hoạch 2017. Góp phần tăng hiệu quả chính sách phát triển kinh tế - xã hội thông qua lồng ghép yếu tố dân số. | Chính phủ hướng dẫn chi tiết. |
| Luật Dân số quy định hành vi nghiêm cấm kỳ thị, phân biệt đối xử, xúc phạm danh dự, nhân phẩm người sinh con một bề. Ép buộc, xúi giục người khác lựa chọn giới tính thai nhi, phá thai vì giới tính của thai nhi. Quy định đưa các nội dung về xóa bỏ phân biệt, định kiến giới, trọng nam hơn nữ, kỳ thị con gái hoặc con trai và các nội dung liên quan vào hương ước, quy ước; chương trình giáo dục của hệ thống giáo dục quốc dân. Cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền thực hiện thanh tra, xử lý nghiêm các hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực bình đẳng giới liên quan đến đăng ký đất đai, bạo lực giới, hôn nhân, thừa kế. | Luật Phòng, chống bạo lực gia đình số 13/2022/QH15 quy định về các hành vi bạo lực gia đình, bao gồm các nhóm hành vi:  *“a) Hành hạ, ngược đãi, đánh đập, đe dọa hoặc hành vi cố ý khác xâm hại đến sức khỏe, tính mạng;*  *b) Lăng mạ, chì chiết hoặc hành vi cố ý khác xúc phạm danh dự, nhân phẩm;*  *c) Cưỡng ép chứng kiến bạo lực đối với người, con vật nhằm gây áp lực thường xuyên về tâm lý;*  *d) Bỏ mặc, không quan tâm; không nuôi dưỡng, chăm sóc thành viên gia đình là trẻ em, phụ nữ mang thai, phụ nữ đang nuôi con dưới 36 tháng tuổi, người cao tuổi, người khuyết tật, người không có khả năng tự chăm sóc; không giáo dục thành viên gia đình là trẻ em;*  *đ) Kỳ thị, phân biệt đối xử về hình thể, giới, giới tính, năng lực của thành viên gia đình;*  *e) Ngăn cản thành viên gia đình gặp gỡ người thân, có quan hệ xã hội hợp pháp, lành mạnh hoặc hành vi khác nhằm cô lập, gây áp lực thường xuyên về tâm lý;*  *g) Ngăn cản việc thực hiện quyền, nghĩa vụ trong quan hệ gia đình giữa ông, bà và cháu; giữa cha, mẹ và con; giữa vợ và chồng; giữa anh, chị, em với nhau;*  *h) Tiết lộ hoặc phát tán thông tin về đời sống riêng tư, bí mật cá nhân và bí mật gia đình của thành viên gia đình nhằm xúc phạm danh dự, nhân phẩm;*  *i) Cưỡng ép thực hiện hành vi quan hệ tình dục trái ý muốn của vợ hoặc chồng;*  *k) Cưỡng ép trình diễn hành vi khiêu dâm; cưỡng ép nghe âm thanh, xem hình ảnh, đọc nội dung khiêu dâm, kích thích bạo lực;*  *l) Cưỡng ép tảo hôn, kết hôn, ly hôn hoặc cản trở kết hôn, ly hôn hợp pháp;*  *m) Cưỡng ép mang thai, phá thai, lựa chọn giới tính thai nhi;*  *n) Chiếm đoạt, hủy hoại tài sản chung của gia đình hoặc tài sản riêng của thành viên khác trong gia đình;*  *o) Cưỡng ép thành viên gia đình học tập, lao động quá sức, đóng góp tài chính quá khả năng của họ; kiểm soát tài sản, thu nhập của thành viên gia đình nhằm tạo ra tình trạng lệ thuộc về mặt vật chất, tinh thần hoặc các mặt khác;*  *p) Cô lập, giam cầm thành viên gia đình;*  *q) Cưỡng ép thành viên gia đình ra khỏi chỗ ở hợp pháp trái pháp luật.”.*  (Khoản 1, Điều 3)  Cũng trong Luật này, *“Kiến thức về hôn nhân và gia đình; kỹ năng ứng xử trong gia đình”* được quy định là một trong sáu nội dung thông tin, tuyên truyền về phòng, chống bạo lực gia đình (Khoản 4, Điều 14); trong nội dung tư vấn về phòng, chống bạo lực gia đình “*Thông tin, kiến thức, pháp luật hôn nhân và gia đình”* cũng được quy định là một trong các nội dung tư vấn (Điểm a Khoản 1 Điều 16)*.* | Nội dung phù hợp với định hướng, đảm bảo thống nhất pháp luật. | Chính phủ hướng dẫn chi tiết. |
| Luật Dân số quy định về chất lượng dân số, cụ thể hóa các biện pháp, trách nhiệm nhằm nâng cao chất lượng dân số và quy định nội dung nâng cao chất lượng dân số theo vòng đời, không trùng lắp với nội dung quy định của Luật Thể dục, Thể thao. | Luật Thể dục, Thể thao số 77/2006/QH11 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của[Luật Thể dục, thể thao](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/The-thao-Y-te/Luat-The-duc-The-thao-2006-77-2006-QH11-15870.aspx" \t "_blank) số 26/2018/QH14 quy định chính sách của Nhà nước về *“phát triển sự nghiệp thể dục, thể thao nhằm nâng cao sức khoẻ, thể lực, tầm vóc người Việt Nam, góp phần cải thiện đời sống văn hoá, tinh thần cho nhân dân, tăng cường hợp tác, giao lưu quốc tế về thể thao, nâng cao sự hiểu biết giữa các quốc gia, dân tộc phục vụ sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc”* (Khoản 1, Điều 4, Luật Thể dục, thể thao 2006). | Nội dung phù hợp với định hướng, đảm bảo thống nhất pháp luật. | Chính phủ hướng dẫn chi tiết. |
| Luật Dân số thực hiện lồng ghép vấn đề bình đẳng giới, bao gồm:  - Quy mô dân số, kế hoạch hoá gia đình (*Lồng ghép vấn đề bình đẳng giới trong quy định về biện pháp điều chỉnh mức sinh; Lồng ghép các nội dung về điều chỉnh mức sinh, kế hoạch hóa gia đình; … hỗ trợ các cặp vợ chồng sinh đủ hai con trong xây dựng, triển khai thực hiện các chiến lược, quy hoạch, kế hoạch, chương trình, dự án phát triển kinh tế - xã hội…*).  - Cơ cấu dân số (*Quy định về nội dung cấm lựa chọn giới tính thai nhi dưới mọi hình thức; Quy định về* *điều chỉnh cơ cấu dân số, tận dụng lợi thế và thích ứng với sự thay đổi cơ cấu dân số; Quy định về bảo đảm cơ cấu dân số hợp lý; Quy định về biện pháp ngăn chặn việc lựa chọn giới tính thai nhi bảo đảm cân bằng giới tính khi sinh theo quy luật sinh sản tự nhiên*…).  - Phân bố dân số  - Nâng cao chất lượng dân số (*Lồng ghép vấn đề bình đẳng giới trong quy định về tư vấn, khám sức khỏe trước khi kết hôn; tầm soát, chẩn đoán, điều trị trước sinh và sơ sinh; xây dựng gia đình no ấm, bình đẳng, tiến bộ, hạnh phúc và bền vững …*). | Luật Bình đẳng giới số 73/2006/QH11.  Vấn đề dân số và bình đẳng giới là hai vấn đề song hành có những tác động qua lại lẫn nhau trong xu thế phát triển. Bình đẳng giới là cũng là mục tiêu của công tác dân số, giúp phát huy vai trò tích cực của mỗi giới trong sự phát triển của gia đình, xã hội và đất nước. Trong lĩnh vực dân số, việc xác định vị trí, vai trò của nam và nữ rất quan trọng để tạo điều kiện cho họ tham gia bình đẳng các mối quan hệ xã hội. Việc lồng ghép vấn đề bình đẳng giới trongquá trình xây dựng Dự án Luật Dân số hướng tới các mục tiêu sau:  - Cụ thể hóa các quy định về bảo vệ quyền con người, nguyên tắc bình đẳng giới đã được ghi nhận trong Hiến pháp năm 2013, Luật Bình đẳng giới và các văn bản pháp luật khác có liên quan (Bộ luật Lao động, Bộ luật Hình sự 2015, Bộ luật Tố tụng hình sự 2015, Bộ luật Dân sự 2015, Bộ luật Tố tụng dân sự 2015…).  - Bảo đảm tính đồng bộ, thống nhất trong các quy định của dự thảo Luật Dân số với các quy định pháp luật hiện hành về bình đẳng giới.  - Bảo đảm thực hiện các nguyên tắc cơ bản về bình đẳng giới; bảo đảm bình đẳng giới trong các lĩnh vực chính trị; giáo dục và đào tạo; khoa học và công nghệ; văn hoá, thông tin, thể dục, thể thao; y tế và gia đình  - Bảo đảm tương thích với các điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên. | Phù hợp với Luật Bình đẳng giới. Góp phần nâng cao chất lượng dân số và hạnh phúc gia đình. | Nên kết hợp chương trình truyền thông và giáo dục kỹ năng làm cha mẹ trong cộng đồng. |
| Qua rà soát các quy định nêu trên, Luật Dân số quy định biện pháp, trách nhiệm của Nhà nước, cá nhân, gia đình và xã hội trong việc thực hiện kế hoạch hoá gia đình nhằm duy trì mức sinh thay thế. | Luật Bảo vệ sức khoẻ nhân dân năm 1989 quy định một số nội dung liên quan đến công tác dân số như sau:  - Thực hiện kế hoạch hoá gia đình (Điều 43)  “*1. Mọi người có trách nhiệm thực hiện kế hoạch hoá gia đình, có quyền lựa chọn biện pháp sinh đẻ có kế hoạch theo nguyện vọng. Mỗi cặp vợ chồng chỉ nên có từ một đến hai con.*  *2. Nhà nước có chính sách, biện pháp khuyến khích và tạo điều kiện cần thiết cho mọi người thực hiện kế hoạch hoá gia đình. Các cơ sở chuyên khoa phụ sản của Nhà nước, tập thể và tư nhân phải thực hiện yêu cầu của mọi người về việc lựa chọn biện pháp sinh đẻ có kế hoạch theo nguyện vọng.*  *3. Các cơ quan y tế, văn hoá, giáo dục, thông tin đại chúng và các tổ chức xã hội có trách nhiệm tuyên truyền, giáo dục kiến thức về dân số và kế hoạch hoá gia đình cho nhân dân.*  *4. Nghiêm cấm hành vi gây trở ngại hoặc cưỡng bức trong việc thực hiện kế hoạch hoá gia đình.”* | Nội dung phù hợp với định hướng, đảm bảo thống nhất pháp luật. | Chính phủ hướng dẫn chi tiết. |
| Căn cứ phạm vi điều chỉnh, chính sách trong đề nghị xây dựng Luật Dân số và đề cương chi tiết. | Pháp lệnh Dân số 2003; Pháp lệnh sửa đổi Điều 10 năm 2008. | Nội dung phù hợp với định hướng, đảm bảo thống nhất pháp luật. | Tiếp tục hoàn thiện |
| Căn cứ tiêu chí, định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách nhà nước cho các Bộ, Cơ quan trung ương (Điều 4); tiêu chí, định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách nhà nước cho các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương (Điều 5), trong đó khoản 3 Điều 5 quy định tiêu chí, định mức phân bổ chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình: “Căn cứ khả năng ngân sách địa phương, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định phân bổ cho y tế dự phòng đạt tối thiểu 30% ngân sách y tế, ưu tiên cho y tế cơ sở, bệnh viện ở vùng khó khăn, biên giới, hải đảo, các lĩnh vực phong, lao, tâm thần và các lĩnh vực khác theo Nghị quyết số 20-NQ/TW ngày 25 tháng 10 năm 2017 của Ban Chấp hành Trung ương khóa Xll về tăng cường công tác bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân trong tình hình mới”, Luật Dân số xây dựng quy định về nguồn tài chính đầu tư cho công tác dân số cho phù hợp quy định của cấp có thẩm quyền. | Nghị quyết số 01/2021/UBTVQH15 ngày 01/9/2021 quy định các nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách nhà nước áp dụng cho năm ngân sách 2022 quy định các nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ dự toán chi thường xuyên ngân sách nhà nước áp dụng cho năm ngân sách 2022 và thời kỳ ổn định ngân sách mới theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước và Nghị quyết của Quốc hội. | Nội dung phù hợp với định hướng, đảm bảo thống nhất pháp luật. | Chính phủ hướng dẫn chi tiết. |
| Căn cứ vào chủ trương của Quốc hội, danh mục và nội dung các dự án triển khai, dự kiến Luật Dân số quy định các nội dung về “Bảo vệ và phát triển các dân tộc thiểu số” để thể chế hoá mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp của Nghị quyết số 21-NQ/TW. | Nghị quyết số 120/2020/QH14 ngày 19/6/2020 của Quốc hội Phê duyệt chủ trương đầu tư chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030;  Nghị quyết số 88/2019/QH14 ngày 18/11/2019 của Quốc hội Phê duyệt Đề án tổng thể phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030.  Để thực hiện Nghị quyết số 120/2020/QH14, Nghị quyết số 88/2019/QH14, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 1409/QĐ-TTg ngày 15/9/2020 Ban hành kế hoạch triển khai Nghị quyết số 120/2020/QH14 ngày 19 tháng 6 năm 2020 của Quốc hội về phê duyệt chủ trương đầu tư Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030; Quyết định số 1719/QĐ-TTg ngày 14/10/2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021-2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025. Theo Quyết định số 1719/QĐ-TTg, có 10 dự án thành phần của Chương trình. | Nội dung phù hợp với định hướng, đảm bảo thống nhất pháp luật. | Chính phủ hướng dẫn chi tiết. |

**3. Điều ước quốc tế có liên quan đến chính sách/dự thảo**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **QUY ĐỊNH CỦA DỰ THẢO VĂN BẢN** | **QUY ĐỊNH CỦA ĐIỀU ƯỚC QUỐC TẾ CÓ LIÊN QUAN** | **ĐÁNH GIÁ (Tính tương thích)** | **ĐỀ XUẤT XỬ LÝ** |
| Dự thảo quy định không phân biệt đối xử, bảo vệ quyền sức khỏe sinh sản và quyền sinh con phù hợp điều kiện cá nhân. | Công ước xóa bỏ tất cả các hình thức phân biệt đối xử với phụ nữ (CEDAW)  Nội dung cơ bản của công ước CEDAW hướng vào cách thức, biện pháp nhằm loại trừ mọi sự phân biệt đối xử đối với phụ nữ trong thụ hưởng các quyền con người cơ bản đã được xác định bởi các điều ước quốc tế về nhân quyền khác. Công ước CEDAW nhằm trao cho phụ nữ trên toàn thế giới những quyền con người đã được Luật quốc tế và luật pháp của các quốc gia ghi nhận, nhưng phụ nữ chưa được hưởng hoặc chưa được hưởng đầy đủ trên thực tế bởi sự phân biệt đối xử với phụ nữ. Công ước là công cụ quan trọng góp phần cải thiện địa vị pháp lý của phụ nữ ở các lĩnh vực kinh tế, chính trị, văn hoá xã hội ở các quốc gia đã phê chuẩn công ước. Các quốc gia cam kết thực hiện nghĩa vụ và trách nhiệm xoá bỏ sự phân biệt đối xử đối với phụ nữ dưới tất cả các hình thức. | Phù hợp và tương thích với công ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên. | Tiếp tục rà soát, điều chỉnh chính sách dân số bảo đảm tương thích với công ước quốc tế. |
| Dự thảo đề cao quyền của cha mẹ (hoặc cá nhân) trong quyết định sinh con, phù hợp điều kiện sức khỏe và xã hội, nhằm đảm bảo khả năng nuôi dạy trẻ em khỏe mạnh. | Công ước Quốc tế về Quyền trẻ em (CRC)  Công ước Quốc tế về Quyền trẻ em là một văn kiện pháp lý quốc tế toàn diện việc quốc tế bảo vệ các quyền cơ bản của trẻ em. Các quyền đó là: quyền được sống, quyền phát triển và tham dự vào các hoạt động xã hội, quyền được bảo vệ và được chăm sóc, quyền được bảo vệ chống lại sự ngược đãi, bóc lột, bỏ rơi... Công ước phải được nhìn nhận một cách tổng thể: tất cả các quyền đều liên kết với nhau và không có quyền nào là quan trọng hơn quyền khác. Quyền được nghỉ ngơi và vui chơi (Điều 31) và quyền tự do ngôn luận (Điều 13) có tầm quan trọng như quyền được an toàn khỏi bạo hành (Điều 19) và quyền được giáo dục (Điều 28).  Có bốn điều trong công ước được coi là đặc biệt. Những điều này được coi là những "Nguyên tắc chung" và những điều này giúp diễn giải tất cả các điều khác và đóng vai trò cơ bản trong việc hiện thực hiện tất cả các quyền trong Công ước dành cho tất cả trẻ em. Những điều đó là:  - Không phân biệt đối xử (Điều 2)  - Lợi ích tốt nhất của trẻ (Điều 3)  - Quyền tồn tại và phát triển cuộc sống (Điều 6)  - Quyền được lắng nghe (Điều 12) | Phù hợp với nguyên tắc quyền trẻ em: quyền được sống, phát triển, không phân biệt đối xử, được chăm sóc từ giai đoạn trước sinh.. | Tăng cường hướng dẫn về chăm sóc trẻ em ngay từ khi còn trong bụng mẹ, cũng như hỗ trợ các gia đình có hoàn cảnh khó khăn để đảm bảo quyền phát triển của trẻ. |
| Dự thảo luật dân số bao gồm việc bảo vệ và thúc đẩy các quyền con người theo Công ước Quốc tế về các Quyền Dân sự và Chính trị (ICCPR). | Công ước Quốc tế về các Quyền dân sự và chính trị (ICCPR)  Quyền toàn vẹn thân thể, tức là quyền được sống, không bị tra tấn và bị bắt làm nô lệ; Quyền tự do và an toàn nhân thân, tức là quyền không bị bắt và bỏ tù vì các lý do không chính đáng; Quyền bình đẳng trước luật, và mọi cáo trạng phải đúng trình tự pháp luật. Bị cáo về các [tội](https://vi.wikipedia.org/w/index.php?title=T%E1%BB%99i_ph%E1%BA%A1m_h%C3%ACnh_s%E1%BB%B1&action=edit&redlink=1) hình sự có quyền được chấp nhận là vô tội cho đến khi bị chứng minh là có tội theo luật. Quyền tự do cá nhân được hiểu theo nghĩa [tự](https://vi.wikipedia.org/w/index.php?title=T%E1%BB%B1_do_di_chuy%E1%BB%83n&action=edit&redlink=1) do di chuyển, tự do tư tưởng, tự do lương tâm và tự do tôn giáo, tự do phát biểu và giữ quan điểm mà không bị ai can thiệp, tự do lập hội và hội họp, tự do lập gia đình, quyền khai sinh, và quyền bí mật đời tư; Ngăn cấm bất kỳ hình thức tuyên truyền cổ vũ chiến tranh hay gieo giắc kỳ thị chủng tộc, tôn giáo. Quyền tham gia chính trị bao gồm quyền tự do thành lập, theo hoặc không theo một đảng chính trị, và quyền bầu cử. Quyền được đối xử bình đẳng của các cộng đồng thiểu số trước pháp luật. | Phù hợp và tương thích với công ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên. | Tiếp tục rà soát, điều chỉnh chính sách dân số bảo đảm tương thích với công ước quốc tế. |
| Dự thảo quy định cá nhân, cặp vợ chồng có quyền chủ động trong sinh con và chăm sóc SKSS, phù hợp với điều kiện thực tế, trên cơ sở bình đẳng. | Công ước Quốc tế về các Quyền kinh tế, xã hội và văn hóa (ICESCR)  Các quyền được Công ước bảo hộ. Cụ thể là: Quyền của mọi cá nhân được hưởng những điều kiện làm việc “*công bằng và thuận lợi*”, và quyền tự do thành lập hoặc gia nhập các tổ chức [công đoàn](https://vi.wikipedia.org/wiki/C%C3%B4ng_%C4%91o%C3%A0n); quyền được hưởng [an sinh xã hội](https://vi.wikipedia.org/wiki/An_sinh_x%C3%A3_h%E1%BB%99i), gồm cả [bảo hiểm xã hội](https://vi.wikipedia.org/wiki/B%E1%BA%A3o_hi%E1%BB%83m_x%C3%A3_h%E1%BB%99i); quyền tự do lập gia đình, bao gồm cả quyền của các bà mẹ được nghỉ dưỡng trước và sau khi sinh, và có các cơ chế bảo vệ trẻ em; quyền được thụ hưởng mức sống phù hợp, bao gồm các khía cạnh về ăn, mặc, ở và được “*không ngừng cải thiện đời sống*”; quyền được hưởng một “*tiêu chuẩn sức khoẻ về thể chất và tinh thần ở mức cao nhất có thể*”; quyền được [giáo dục](https://vi.wikipedia.org/wiki/Gi%C3%A1o_d%E1%BB%A5c), bao gồm phổ cập [giáo dục tiểu học](https://vi.wikipedia.org/wiki/Gi%C3%A1o_d%E1%BB%A5c_ti%E1%BB%83u_h%E1%BB%8Dc) miễn phí, [giáo dục phổ thông](https://vi.wikipedia.org/w/index.php?title=Gi%C3%A1o_d%E1%BB%A5c_ph%E1%BB%95_th%C3%B4ng&action=edit&redlink=1) đại trà và quyền cơ hội tiếp cận bình đẳng các trường [đại học](https://vi.wikipedia.org/wiki/%C4%90%E1%BA%A1i_h%E1%BB%8Dc). Những việc này nhắm tới mục tiêu “*phát triển toàn diện nhân cách và ý thức về phẩm giá con người*”, và tạo điều kiện cho tất cả mọi người tham gia hiệu quả vào các hoạt động xã hội; quyền được tham gia vào đời sống văn hoá và hoạt động khoa học. | Dự thảo thể hiện sự tương thích với ICESCR về bảo đảm quyền được chăm sóc sức khỏe, trong đó có sức khỏe sinh sản – một nội dung cốt lõi của quyền kinh tế – xã hội. | Tăng cường chính sách tiếp cận dịch vụ SKSS miễn phí hoặc giá rẻ, đặc biệt cho nhóm yếu thế; đảm bảo lồng ghép quyền sức khỏe sinh sản trong chăm sóc sức khỏe nhân dân. |
| Dự thảo quy định quyền của mọi cá nhân, cặp vợ chồng quyết định sinh con, tiếp cận và chăm sóc sức khỏe sinh sản phù hợp với tình trạng sức khỏe và điều kiện cá nhân. | Công ước Quốc tế về quyền của người khuyết tật (CRPD)  Công ước quốc tế về quyền của người khuyết tật (CRPD) ra đời là để bảo vệ và thúc đẩy tốt hơn quyền của người khuyết tật. Bởi cho đến thời điểm Liên Hợp Quốc thông qua Công ước (năm 2007), người khuyết tật ở nhiều nơi trên thế giới vẫn bị coi là đối tượng nhận sự trợ giúp từ xã hội hơn là chủ thể của quyền con người. Mục đích của Công ước này là thúc đẩy, bảo vệ và bảo đảm cho người khuyết tật được hưởng một cách bình đẳng và đầy đủ tất cả các quyền và tự do cơ bản của con người, và thúc đẩy sự tôn trọng phẩm giá vốn có của họ. | Tương thích với CRPD, thể hiện sự cam kết của Việt Nam trong việc đảm bảo quyền sinh sản và chăm sóc sức khỏe cho người khuyết tật. | Cần lồng ghép rõ ràng các biện pháp hỗ trợ người khuyết tật trong tiếp cận thông tin, dịch vụ SKSS trong văn bản dưới luật và các chương trình triển khai. |
| Dự thảo bảo đảm quyền cá nhân, cặp vợ chồng được quyết định sinh con phù hợp với điều kiện bản thân và trên cơ sở bình đẳng, có trách nhiệm với sức khỏe sinh sản. | Chương trình hành động về dân số và phát triển (Cairo 1994)  1. Mức sinh: Chương trình hành động ICPD chỉ rõ nghèo đói, suy dinh dưỡng, mù chữ, địa vị thấp của phụ nữ, tiếp cận hạn chế với các dịch vụ y tế và xã hội, bao gồm cả SKSS/KHHGĐ đều làm gia tăng mức sinh. Ngược lại, việc giảm thấp tỷ suất chết sơ sinh, tỷ suất chết mẹ đều dẫn đến suy giảm mức sinh.  2. Kế hoạch hoá gia đình: được đề cập đầy đủ theo nguyên tắc phụ nữ có quyền quyết định mức sinh của mình. Sự tự nguyện trong kiểm soát sinh và sử dụng BPTT thích hợp là nguyên tắc rất quan trọng. Chương trình hành động xem KHHGĐ chỉ là một trong nhiều nội dung của SKSS. Chương trình KHHGĐ đã có những đóng góp quan trọng trong việc thực hiện mục tiêu giảm sinh ở các quốc gia đang phát triển. Quyền sinh sản gắn với chăm sóc SKSS, thực hiện trên cơ sở KHHGĐ tự nguyện, không bị ép buộc, được tiếp cận các biện pháp an toàn, có chất lượng và chi phí thấp (hoặc miễn phí) phù hợp với từng độ tuổi và nhóm văn hoá, phù hợp với từng giai đoạn của vòng đời va chu kỳ sinh sản.  3. Dư lợi dân số và cơ cấu dân số vàng: chương trình hành động yêu cầu việc đáp ứng đầy đủ nhu cầu của dân số trẻ, nâng cao chất lượng cuộc sống và tạo điều kiện cho thế hệ trẻ đóng góp vào sự phát triển bền vững.  4. Tỷ số giới tính và lựa chọn giới tính khi sinh: chương trình hành động khuyến cáo việc nghiêm cấm sử dụng nạo phá thai như một biện pháp kiểm soát dân số và hạn chế sinh. Chương trình hành động khuyến cáo ở những quốc gia cho phép nạo phá thai cần đảm bảo cho phụ nữ tiếp cận dịch vụ nạo phá thai an toàn.  5. Giá hoá dân số: được đề cập đầy đủ, chương trình hành động chỉ rõ rằng các tác động kinh tế xã hội của quá trình giá hoá dân số sẽ vừa là cơ hội, vừa là thách thức ở nhiều quốc gia.  6. Chất lượng nguồn nhân lực: không được đề cập, tuy có một số nội dung hướng vào hoạt động cụ thể tăng cường chất lượng sức khoẻ sinh sản nói chung.  7. Di cư: được đề cập cụ thể, ở đây chỉ rõ mối liên hệ giữa phân bố dân cư, di dân và đô thị hoá ở các quốc gia; vấn đề di cư quốc tế cũng được đi sâu xem xét với nhiều loại hình di cư khác nhau. Tuy nhiên di cư cần được xem xét trong chính sách dân số và phát triển. Cần giảm nhẹ động lực di dân ra thành phố.  8. Lồng ghép các biến dân số trong xây dựng kế hoạch phát triển: được đề cập đầy đủ, chương trình hành động khuyến cáo lồng ghép các biến dân số, môi trường và giảm nghèo trong chiến lược ở các cấp, các chiến lược phát triển dài hạn, trung hạn và ngắn hạn. Biến dân số cần được xem xét trong toàn bộ quá trình hình thành, thực hiện, giám sát và đánh giá các chính sách phát triển bền vững. | Tương thích với định hướng Cairo 1994, đề cao tính **tự nguyện, tự quyết và tiếp cận công bằng dịch vụ SKSS.** | Tăng cường tuyên truyền, giáo dục và cung cấp dịch vụ SKSS an toàn, thân thiện; đặc biệt chú trọng vùng sâu, vùng xa, dân tộc thiểu số, người yếu thế. |
| Dự thảo luật quy định về việc cung cấp dịch vụ chăm sóc sức khỏe sinh sản cho phụ nữ. Nhằm đảm bảo sức khỏe và quyền của phụ nữ. | Tuyên bố Bắc Kinh tại Hội nghị thế giới về phụ nữ năm 1995  Tại Hội nghị thế giới lần thứ tư về phụ nữ năm 1995, lý tưởng về bình đẳng và tôn trọng phẩm giá con người trong tiến bộ xã hội một lần nữa được thể hiện mạnh mẽ trong Tuyên bố và Cương lĩnh hành động Bắc Kinh, một trong những văn kiện toàn diện nhất của thế giới về bình đẳng giới và trao quyền cho phụ nữ. Việc nỗ lực thực hiện những nội dung quan trọng đề ra trong Văn kiện này đã góp phần thúc đẩy việc hoàn thiện khung pháp lý nhằm trao quyền và cơ hội bình đẳng của phụ nữ vào các vị trí ra quyết định; gắn kết chặt chẽ các cơ chế thực hiện ở cấp quốc gia, khu vực và toàn cầu, từng bước đưa thế giới đến gần hơn lý tưởng về một xã hội công bằng, tiến bộ và không còn các rào cản về giới. | Phù hợp và tương thích với công ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên. | Tiếp tục rà soát, điều chỉnh chính sách dân số bảo đảm tương thích với công ước quốc tế. |

1. Chương trình PCTH thuốc lá quốc gia (Vinacosh), Hỏi và Đáp về phòng chống tác hại của thuốc lá tại Việt Nam, 47 trang [↑](#footnote-ref-1)